

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP

**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025**  
**HUYỆN BÙ ĐÓP – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bù Đốp, năm 2025

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP**

**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025  
HUYỆN BÙ ĐÓP – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Ngày ..... tháng ..... năm 202...*

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Ngày..... tháng ..... năm 202...*

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐÓP**

## MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC .....</b>	<b>i</b>
<b>DANH SÁCH CÁC BẢNG .....</b>	<b>I</b>
<b>ĐẶT VẤN ĐỀ.....</b>	<b>1</b>
<b>I. SỰ CẦN THIẾT LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025.....</b>	<b>1</b>
<b>II. MỤC TIÊU LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....</b>	<b>1</b>
<b>III. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN .....</b>	<b>2</b>
<b>IV. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN .....</b>	<b>4</b>
4.1. Nhóm phương pháp thu thập số liệu.....	4
4.2. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu .....	4
4.3. Phương pháp xử lý số liệu, bản đồ .....	5
4.4. Nhóm phương pháp tiếp cận.....	5
4.5. Phương pháp chuyên gia.....	5
4.6. Phương pháp minh họa trên bản đồ .....	5
<b>V. SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN.....</b>	<b>5</b>
<b>VI. BỐ CỤC CỦA BÁO CÁO .....</b>	<b>5</b>
<b>PHẦN I .....</b>	<b>7</b>
<b>KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI.....</b>	<b>7</b>
<b>I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN .....</b>	<b>7</b>
1.1. Vị trí địa lý.....	7
1.2. Địa hình, địa mạo.....	7
1.3. Khí hậu.....	8
1.4. Thủy văn .....	8
<b>II. CÁC NGUỒN TÀI NGUYÊN .....</b>	<b>9</b>
2.1. Tài nguyên đất .....	9
2.2. Tài nguyên nước .....	12
2.3. Tài nguyên khoáng sản .....	12
2.4. Tài nguyên nhân văn.....	13
<b>III. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT.....</b>	<b>13</b>

<b>IV. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI.....</b>	<b>15</b>
4.1. Tình hình nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ .....	15
4.2. Về văn hoá – xã hội .....	16
4.3. Về lĩnh vực Tài nguyên - Môi trường.....	18
<b>V. Các nguồn lực của huyện và tính tác động đến sử dụng đất .....</b>	<b>19</b>
5.1. Nguồn lực tự nhiên .....	19
5.2. Nguồn lực con người và công nghệ, hạ tầng kỹ thuật-xã hội.....	19
5.3. Khả năng thu hút vốn đầu tư công và vốn ngoài ngân sách nhà nước. ....	20
<b>VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG .....</b>	<b>20</b>
6.1. Thuận lợi.....	20
6.2. Khó khăn.....	21
<b>PHẦN II.....</b>	<b>23</b>
<b>KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC.....</b>	<b>23</b>
<b>I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP.....</b>	<b>23</b>
1.1. Nhiệm vụ quản lý sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất .....	23
1.2. Kết quả thực hiện các giải pháp thực hiện.....	23
<b>II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....</b>	<b>25</b>
2.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 và kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt.....	25
2.2. Kết quả thực hiện thu hồi đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 .....	37
2.3. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 .....	39
2.4. Kết quả thực hiện các công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Bù Đốp.....	40
2.5. Đánh giá những mặt được, tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước .....	45
<b>PHẦN III .....</b>	<b>48</b>
<b>LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 .....</b>	<b>48</b>
<b>I. XÁC ĐỊNH CÁC CHỈ TIÊU TRONG KỲ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....</b>	<b>48</b>

1.1. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.....	48
2.2. Xác định diện tích các loại đất do cấp huyện xác định và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã .....	50
<b>III. TỔNG HỢP VÀ CÂN ĐỐI CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025.....</b>	<b>60</b>
3.1. Chỉ tiêu nhóm đất nông nghiệp.....	63
3.2. Chỉ tiêu nhóm đất phi nông nghiệp.....	68
3.3. Chỉ tiêu nhóm đất chưa sử dụng .....	94
<b>IV. DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT CẦN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT, THU HỒI, KẾ HOẠCH ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG.....</b>	<b>94</b>
<b>V. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG NĂM 2025.....</b>	<b>97</b>
5.1. Các công trình dự án vì mục đích Quốc phòng, an ninh quy định tại Điều 78 của Luật Đất đai 2024 .....	97
5.2. Các dự án quy định tại khoản 4 Điều 67 và Điều 79 của Luật Đất đai 2024 .....	98
<b>VI. DỰ KIẾN CÁC KHOẢN THU, CHI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI TRONG NĂM KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....</b>	<b>99</b>
6.1. Căn cứ tính các khoản thu, chi.....	99
6.2. Dự kiến các khoản thu, chi .....	99
6.3. Ước tính các khoản thu, chi từ đất.....	99
<b>PHẦN IV .....</b>	<b>101</b>
<b>GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....</b>	<b>101</b>
<b>I. GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU .....</b>	<b>101</b>
<b>II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT</b>	<b>102</b>
<b>III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....</b>	<b>103</b>
<b>KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>104</b>
<b>I. KẾT LUẬN.....</b>	<b>104</b>
<b>II. KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>104</b>
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>1</b>

**DANH SÁCH CÁC BẢNG**

<b>Bảng</b>	<b>Trang</b>
<b>Bảng 1.1.</b> Thống kê diện tích phân theo cấp độ dốc .....	8
<b>Bảng 1.2.</b> Tổng hợp diện tích các nhóm đất và loại đất huyện Bù Đốp .....	10
<b>Bảng 2.1.</b> Hiện trạng sử dụng đất theo nhóm đất năm 2024 .....	25
<b>Bảng 2.2.</b> Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng các loại đất năm 2024 .....	26
<b>Bảng 2.3.</b> Các công trình, dự án đất nông nghiệp khác đã thực hiện trong giai đoạn 2020 – 2024 trên địa bàn huyện Bù Đốp .....	30
<b>Bảng 2.4.</b> Các công trình, dự án đất ở tại nông thôn đã thực hiện trong năm kế hoạch 2024 .....	31
<b>Bảng 2.5.</b> Diện tích đất ở tại đô thị đã thực hiện trong năm kế hoạch 2024 .....	32
<b>Bảng 2.6.</b> Các công trình, dự án đất quốc phòng đã thực hiện trong giai đoạn 2020 – 2024 trên địa bàn huyện Bù Đốp .....	32
<b>Bảng 2.7.</b> Các công trình, dự án đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo đã thực hiện trong giai đoạn 2020 – 2024 trên địa bàn huyện Bù Đốp .....	33
<b>Bảng 2.8.</b> Các công trình, dự án đất thương mại dịch vụ đã thực hiện trong giai đoạn 2021 – 2024 trên địa bàn huyện Bù Đốp .....	34
<b>Bảng 2.9.</b> Các công trình, dự án đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đã thực hiện trong giai đoạn 2021 – 2024 trên địa bàn huyện Bù Đốp .....	34
<b>Bảng 2.10.</b> Các công trình, dự án đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đã thực hiện trong giai đoạn 2021 – 2024 trên địa bàn huyện Bù Đốp .....	34
<b>Bảng 2.11.</b> Các công trình, dự án đất giao thông đã thực hiện trong giai đoạn 2021 – 2024 trên địa bàn huyện Bù Đốp .....	35
<b>Bảng 2.12.</b> Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch thu hồi đất nông nghiệp .....	37
<b>Bảng 2.13.</b> Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch thu hồi đất phi nông nghiệp năm 2024 .....	38
<b>Bảng 2.14.</b> Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch chuyển mục đích năm 2024 .....	39
<b>Bảng 2.15.</b> Danh mục công trình, dự án đã thực hiện trong năm 2024 .....	40
<b>Bảng 2.16.</b> Các công trình, dự án chưa thực hiện trong KHSDĐ năm 2024 .....	41
<b>Bảng 3.17.</b> Diện tích các loại đất đến năm 2025 được phân bổ trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh trên địa bàn huyện .....	48
<b>Bảng 3.18.</b> Các công trình, dự án hủy bỏ, không tiếp tục thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 .....	51

<b>Bảng 3.19.</b> Tổng hợp các dự án chuyển tiếp từ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 sang thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 .....	54
<b>Bảng 3.20.</b> Danh mục công trình dự án đăng ký mới KHSDD năm 2025 .....	59
<b>Bảng 3.21.</b> Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở của HGD,CN trong năm 2025 .....	60
<b>Bảng 3.22.</b> Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2025.....	61
<b>Bảng 3.23.</b> Chỉ tiêu nhóm đất nông nghiệp trong năm KHSDD 2025 .....	63
<b>Bảng 3.24.</b> Kế hoạch sử dụng đất nhóm đất nông nghiệp năm 2025 theo ĐVHC cấp xã .....	64
<b>Bảng 3.25.</b> Kế hoạch sử dụng đất trồng lúa năm 2025 theo ĐVHC cấp xã .....	64
<b>Bảng 3.26.</b> Kế hoạch sử dụng đất trồng cây hằng năm khác .....	65
<b>Bảng 3.27.</b> Kế hoạch sử dụng đất trồng cây lâu năm 2025 theo ĐVHC cấp xã.....	66
<b>Bảng 3.28.</b> Kế hoạch sử dụng đất rừng phòng hộ năm 2025 theo ĐVHC cấp xã .....	66
<b>Bảng 3.29.</b> Kế hoạch sử dụng đất rừng sản xuất năm 2025 theo ĐVHC cấp xã.....	67
<b>Bảng 3.30.</b> Kế hoạch sử dụng đất nuôi trồng thủy sản năm 2025 theo ĐVHC cấp xã.....	67
<b>Bảng 3.31.</b> Kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp khác năm 2025 theo ĐVHC cấp xã ...	68
<b>Bảng 3.32.</b> Chỉ tiêu nhóm đất phi nông nghiệp trong năm KHSDD 2025 .....	68
<b>Bảng 3.33.</b> Kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2025 theo ĐVHC cấp xã.....	70
<b>Bảng 3.34.</b> Danh mục công trình đất ở nông thôn năm 2025 .....	71
<b>Bảng 3.35.</b> Kế hoạch sử dụng đất ở tại nông thôn năm 2025 theo ĐVHC cấp xã.....	71
<b>Bảng 3.36.</b> Danh mục công trình đất ở đô thị năm 2025 .....	72
<b>Bảng 3.37.</b> Kế hoạch sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2025.....	73
<b>Bảng 3.38.</b> Kế hoạch sử dụng đất quốc phòng năm 2025 theo ĐVHC cấp xã.....	74
<b>Bảng 3.39.</b> Kế hoạch sử dụng đất an ninh năm 2025 theo ĐVHC cấp xã.....	74
<b>Bảng 3.40.</b> Danh mục công trình đất an ninh trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 ..	75
<b>Bảng 3.41.</b> Chỉ tiêu sử dụng đất của đất xây dựng công trình sự nghiệp đến năm 2025 .....	75
<b>Bảng 3.42.</b> Kế hoạch sử dụng đất xây dựng công trình sự nghiệp năm 2025 theo ĐVHC cấp xã.....	76
<b>Bảng 3.43.</b> Kế hoạch sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa .....	77
<b>Bảng 3.44.</b> Kế hoạch sử dụng đất xây dựng cơ sở y tế năm 2025 theo ĐVHC cấp xã ..	77
<b>Bảng 3.45.</b> Kế hoạch sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo năm 2025 theo ĐVHC cấp xã.....	78
<b>Bảng 3.46.</b> Kế hoạch sử dụng đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao năm 2025 theo ĐVHC cấp xã.....	79

<b>Bảng 3.47.</b> Kế hoạch sử dụng đất xây dựng công trình sự nghiệp khác năm 2025 theo ĐVHC cấp xã.....	80
<b>Bảng 3.48.</b> Kế hoạch sử dụng đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp năm 2025 theo ĐVHC cấp xã.....	80
<b>Bảng 3.49.</b> Danh mục công trình đất thương mại dịch vụ năm 2025 .....	81
<b>Bảng 3.50.</b> Kế hoạch sử dụng đất thương mại – dịch vụ .....	81
<b>Bảng 3.51.</b> Danh mục công trình đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2025.....	82
<b>Bảng 3.52.</b> Kế hoạch sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2025 theo ĐVHC cấp xã.....	83
<b>Bảng 3.53.</b> Kế hoạch sử dụng cho hoạt động khoáng sản năm 2025 theo ĐVHC cấp xã .....	83
<b>Bảng 3.54.</b> Chỉ tiêu sử dụng đất sử dụng vào mục đích công cộng đến năm 2025 .....	84
<b>Bảng 3.55.</b> Kế hoạch sử dụng đất sử dụng vào mục đích công cộng năm 2025 theo ĐVHC cấp xã.....	84
<b>Bảng 3.56.</b> Danh mục dự án đất công trình giao thông năm 2025 .....	85
<b>Bảng 3.57.</b> Kế hoạch sử dụng đất công trình giao thông .....	86
<b>Bảng 3.58.</b> Danh mục dự án đất công trình thủy lợi năm 2025 .....	86
<b>Bảng 3.59.</b> Kế hoạch sử dụng đất công trình thủy lợi.....	87
<b>Bảng 3.60.</b> Kế hoạch sử dụng đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên năm 2025 theo ĐVHC cấp xã .....	87
<b>Bảng 3.61.</b> Kế hoạch sử dụng đất công trình xử lý chất thải năm 2025 theo ĐVHC cấp xã.....	88
<b>Bảng 3.62.</b> Kế hoạch sử dụng đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng năm 2025 theo ĐVHC cấp xã.....	88
<b>Bảng 3.63.</b> Kế hoạch sử dụng đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin năm 2025 theo ĐVHC cấp xã .....	89
<b>Bảng 3.64.</b> Kế hoạch sử dụng đất chợ dân sinh, chợ đầu mối năm 2025 theo ĐVHC cấp xã.....	89
<b>Bảng 3.65.</b> Kế hoạch sử dụng đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng năm 2025 theo ĐVHC cấp xã.....	90
<b>Bảng 3.66.</b> Kế hoạch sử dụng đất tôn giáo năm 2025 theo ĐVHC cấp xã.....	90
<b>Bảng 3.67.</b> Kế hoạch sử dụng đất tín ngưỡng năm 2025 theo ĐVHC cấp xã .....	91
<b>Bảng 3.68.</b> Kế hoạch sử dụng đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt năm 2025 theo ĐVHC cấp xã.....	91



<b>Bảng 3.69.</b> Kế hoạch sử dụng đất có mặt nước chuyên dùng năm 2025 theo ĐVHC cấp xã.....	92
<b>Bảng 3.70.</b> Kế hoạch sử dụng đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá năm 2025 theo ĐVHC cấp xã.....	93
<b>Bảng 3.71.</b> Kế hoạch sử dụng đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối năm 2025 theo ĐVHC cấp xã.....	93
<b>Bảng 3.72.</b> Kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp khác.....	94
<b>Bảng 3.73.</b> Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch 2025.....	94
<b>Bảng 3.74.</b> Diện tích thu hồi trong năm kế hoạch 2025 .....	96
<b>Bảng 3.75.</b> Danh mục công trình đất an ninh, đất quốc phòng.....	97
<b>Bảng 3.76.</b> Danh mục công trình dự án thu hồi đất trong KHSDĐ năm 2025 .....	98
<b>Bảng 3.77.</b> Ước tính các khoản thu chi từ đất trong kỳ Kế hoạch 2025 .....	99

## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

### **I. SỰ CẦN THIẾT LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025**

Luật Đất đai năm 2024 quy định: việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm của huyện được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai ngày 18/1/2024; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và hướng dẫn tại Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trên địa bàn huyện có liên quan đến sử dụng đất.

Theo quy định của Luật Đất đai năm 2024 và Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì hằng năm huyện phải lập kế hoạch sử dụng đất trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trong quý III, sau đó thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tháng 12 hằng năm, tổ chức công bố công khai kế hoạch sử dụng đất sau khi được phê duyệt. Cũng theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, những công trình, dự án không có trong kế hoạch sử dụng đất được duyệt thì không được phép thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cho chuyển mục đích sử dụng đất.

Để đảm bảo sự phù hợp với các quy định mới về lập điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2024; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai và Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo tính khả thi, phù hợp với thực tiễn, phục vụ tốt nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai lập **“Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước”**.

### **II. MỤC TIÊU LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

- Xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đáp ứng đủ yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của huyện Bù Đốp trên cơ sở tuân thủ đúng các quy định pháp luật. Tạo ra công cụ hữu hiệu giúp các cấp chính quyền (huyện, thị trấn, xã) tăng cường và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về đất đai.

- Đánh giá toàn diện hiện trạng sử dụng đất và biến động đất đai của năm 2024. Rà soát kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024; xác định các chỉ tiêu chưa thực hiện được đối với phần diện tích được phân bổ sử dụng cho các mục đích khác nhau; kết quả phần diện tích phải chuyển đổi mục đích sử dụng theo kế hoạch sử dụng đất năm

## **Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

---

trước; các chỉ tiêu không có khả năng thực hiện; các chỉ tiêu cần phải điều chỉnh, bổ sung trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 xây dựng phương án sử dụng đất hiệu quả, bền vững làm cơ sở pháp lý cho việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả phục vụ tốt nhất mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương.

- Kế hoạch sử dụng đất hằng năm nhằm xác định rõ nhu cầu sử dụng đất cho các công trình, dự án phải thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm.

- Xác định rõ quy mô, diện tích, vị trí, ranh giới của các công trình dự án thực hiện trong năm (xác định cụ thể trên bản đồ vị trí, diện tích, ranh giới các công trình, dự án thu hồi đất; các khu vực chuyển đổi mục đích sử dụng đất thực hiện trong năm).

### **III. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN**

Luật đất đai năm 2024;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 – 2020) tỉnh Bình Phước;

Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 27/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp triển khai lập đồng thời các quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thông số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài nguyên & Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Thông tư 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

## **Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

---

Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ 9 phê duyệt quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 07 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ 12 điều chỉnh bổ sung các dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016 -2020 có thay đổi so với danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh Bình Phước;

Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 07 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ 12 thông qua danh mục bổ sung và điều chỉnh tên các dự án thu hồi đất, các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 07 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ 12 Điều chỉnh phụ lục danh mục các dự án được phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh Bình Phước;

Nghị quyết 02/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ 12 Điều chỉnh phụ lục danh mục các dự án được phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh Bình Phước;

Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 07 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 1 Bổ sung danh mục các dự án được phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng đất rừng đang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 07 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 1 Điều chỉnh, bổ sung và hủy danh mục các dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016 – 2020 có thay đổi so với danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân và Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về việc Điều chỉnh, bổ sung các dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 có thay đổi so với danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019, Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 07 năm 2020, Nghị quyết số 08/2021/NQ-

## **Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

---

HĐND ngày 02 tháng 07 năm 2021 và Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước;

Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2025.

Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2000/QĐ-UBND ngày 20/08/2020 của UBND tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước;

Công văn số 818/STNMT-CCQLĐĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh đến năm 2025 tạm thời;

Công văn số 3303/STNMT-CCQLĐĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện theo quy định Luật Đất đai năm 2024.

## **IV. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN**

### **4.1. Nhóm phương pháp thu thập số liệu**

- Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa: là phương pháp được dùng để điều tra, thu thập số liệu, tài liệu, bản đồ, thông tin về điều kiện tự nhiên, KT-XH, hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

- Phương pháp kế thừa, chọn lọc tài liệu đã có: Trên cơ sở các tài liệu, số liệu, bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bù Đốp; Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Bù Đốp, các loại bản đồ địa chính phù hợp với nội dung xây dựng Kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

### **4.2. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu**

Chọn một số dự án lớn nằm trong kế hoạch sử dụng đất năm trước đã được phê duyệt để điều tra chi tiết về kết quả thực hiện, phân tích các nguyên nhân hoàn thành dự án hoặc những tồn tại làm chậm tiến độ thực hiện kế hoạch và giải pháp khắc phục.

#### **4.3. Phương pháp xử lý số liệu, bản đồ**

Các số liệu thu thập được phân tích, xử lý bằng phần mềm Excel. Các số liệu được tính toán, phân tích theo các bảng, biểu kết hợp với phần thuyết minh. Bản đồ được xây dựng bằng sử dụng phần mềm như Microstation,...

#### **4.4. Nhóm phương pháp tiếp cận**

- Phân tích định tính và định lượng về tiềm năng đất đai và khả năng sử dụng đất.
- Phân tích hệ thống các mối quan hệ vĩ mô và vi mô, tổng thể.
- Phương pháp cân đối trong quan hệ khai thác tiềm năng đất đai với điều kiện khả thi sử dụng đất và cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường.

#### **4.5. Phương pháp chuyên gia**

Tham khảo ý kiến của các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý đất đai, để trao đổi về cách nhìn nhận, đánh giá và các gợi ý về giải pháp thực hiện.

#### **4.6. Phương pháp minh họa trên bản đồ**

Đây là phương pháp đặc thù của công tác lập Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất. Các loại đất theo mục đích sử dụng được thể hiện trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch sử dụng đất tỷ lệ 1/25.000, thể hiện cụ thể các yếu tố về vị trí phân bố, Phương pháp minh họa bằng bản đồ có sử dụng các phần mềm chuyên dụng làm bản đồ (như Microstation, ...).

### **V. SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN**

- Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Bù Đốp;
- Báo cáo tổng hợp thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp và hệ thống bảng biểu tính toán gồm: 5 bộ;
- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp tỉ lệ 1/25.000: 5 bộ;
- Đĩa CD copy Báo cáo thuyết minh, bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025: 5 đĩa;
- Các văn bản liên quan được thu thập và xây dựng trong quá trình thực hiện kế hoạch;

### **VI. BỐ CỤC CỦA BÁO CÁO**

Bố cục của báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước cụ thể gồm các phần sau:

- Đặt vấn đề;
- Phần I: Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội;
- Phần II: Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm trước;
- Phần III: Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025;

## **Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

---

- Phần IV: Giải pháp tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất;
- Kết luận và kiến nghị.

## **PHẦN I**

### **KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI**

#### **I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN**

Bù Đốp là huyện biên giới, miền núi được thành lập theo Nghị định số 17/2003/NĐ-CP ngày 20/2/2003 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở tách ra từ huyện Lộc Ninh cũ.

Huyện có vị trí cách trung tâm tỉnh Bình Phước khoảng 70 km về phía Nam, có đường Tỉnh lộ ĐT 759B và ĐT 759 đi qua, chiều dài đường biên giới giáp với Vương quốc Campuchia là 85,5 km, với 02 cửa khẩu quan trọng Hoàng Diệu và Tân Thành là đầu mối giao thương hàng hóa, hợp tác phát triển giữa hai quốc gia Việt Nam – Campuchia, hứa hẹn nhiều triển vọng trong hợp tác kinh tế.

Huyện Bù Đốp có 07 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm: 06 xã (Hưng Phước, Phước Thiện, Thiện Hưng, Thanh Hòa, Tân Tiến, Tân Thành) và 01 Thị trấn (Thanh Bình), tổng diện tích tự nhiên theo thống kê đất đai là 38.008,46 ha (bằng 5,5% diện tích của toàn tỉnh Bình Phước), dân số là 60.370 người, mật độ dân số 158,83 người/km<sup>2</sup>, trong đó có 25 đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 17,3%.

Với vị trí nằm trong vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam tuy thuận lợi cho việc giao thương hàng hóa, nhưng vẫn là huyện miền núi, vùng sâu vùng xa sẽ có nhiều trở ngại trong việc kêu gọi phát triển công nghiệp; đồng thời là vùng biên giới có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số do đó vấn đề về an ninh biên giới cũng có những diễn biến phức tạp.

##### **1.1. Vị trí địa lý**

Có tọa độ địa lý (theo hệ tọa độ VN 2000, múi 3):

- Từ 11052'36'' đến 12004'53'' vĩ độ Bắc,
- Từ 106040'39'' đến 106059'45'' kinh độ Đông.

Ranh giới hành chính của huyện tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc: giáp với Vương quốc Campuchia;
- Phía Nam và Phía Đông: giáp huyện Bù Gia Mập
- Phía Tây: giáp huyện Lộc Ninh.

##### **1.2. Địa hình, địa mạo**

Bù Đốp là một huyện miền núi, nhưng có địa hình tương đối bằng phẳng so với các huyện miền núi khác trong cả nước, thuận lợi cho việc sử dụng đất nói chung và sản xuất nông nghiệp nói riêng.

Theo phân cấp độ dốc trong điều tra đánh giá đất đai, đồng thời căn cứ vào cấu trúc hình thể và độ nghiêng dốc của bề mặt đất, yếu tố địa hình có thể phân chia ra 5 cấp độ dốc, quy mô diện tích của từng cấp địa hình như sau:



**Bảng 1.1.** Thống kê diện tích phân theo cấp độ dốc

<b>Dạng địa hình và cấp độ dốc</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1/ Ít dốc</b>	<b>31.400</b>	<b>82,61</b>	
- Cấp I ( $< 3^0$ )	12.337	32,46	<i>Rất thuận lợi cho SX NN</i>
- Cấp II ( $3^0-8^0$ )	16.963	44,63	<i>Rất thuận lợi cho SX NN</i>
- Cấp III ( $8^0-15^0$ )	2.100	5,53	<i>Thuận lợi cho SX NN</i>
<b>2/ Dốc trung bình</b>	<b>3.819</b>	<b>10,05</b>	
- Cấp IV ( $15-20^0$ )	3.819	10,05	<i>Ít thuận lợi cho SX-NN</i>
<b>3/ Dốc mạnh</b>	<b>2.789</b>	<b>7,34</b>	
- Cấp V ( $20-25^0$ )	2.789	7,34	<i>Rất ít thuận lợi cho SX-NN</i>
<b>* Sông suối - Mặt nước</b>	<b>3.264</b>	<b>8,59</b>	
<b>Tổng DTTN</b>	<b>38.008,46</b>	<b>100,00</b>	

(Nguồn: Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp)

Xét về độ dốc, toàn bộ diện tích trên địa bàn huyện có khả năng bố trí sản xuất nông nghiệp (độ dốc  $< 25^0$ ); trong đó: ở độ dốc  $< 8^0$  rất thuận lợi cho bố trí các cây hằng năm hoặc lâu năm là 29.300 ha (chiếm 77,09% DTTN); ở độ dốc  $8^0-15^0$  thuận lợi cho bố trí các cây lâu năm là 2.100 ha (chiếm 5,53% DTTN); ở độ dốc  $15^0-20^0$  ít thuận lợi cho bố trí các cây lâu năm là 3.819 ha (chiếm 10,05% DTTN); ở độ dốc  $20^0-25^0$  rất ít thuận lợi cho bố trí các cây lâu năm là 2.789 ha (chiếm 7,34% DTTN).

### **1.3. Khí hậu**

Khí hậu nhìn chung bị chi phối bởi 2 yếu tố quan trọng đó là: (i) Vị trí địa khu vực trong mối liên quan với hoàn lưu khí quyển và (ii) Địa hình vĩ mô của vùng.

Đối với Bù Đốp, là khu vực nằm trong vành đai nhiệt đới Bắc bán cầu với vĩ độ từ  $11^052'36''$ -  $12^004'53''$ , chịu ảnh hưởng của 2 luồng tín phong chính là Tây Nam và Đông Bắc. Với địa hình nghiêng dần theo hướng từ Đông sang Tây gần như vuông góc với 2 luồng tín phong chính có tác dụng như bức tường hứng hơi ẩm của gió Tây Nam vào mùa mưa và ngăn hơi ẩm của gió Đông Bắc vào mùa khô.

### **1.4. Thủy văn**

Trên địa bàn có 2 con sông lớn là sông Măng ở phía Bắc là ranh giới với nước bạn Campuchia và Sông Bé chảy dọc theo ranh giới phía Đông và Nam của huyện theo hướng Bắc xuống Nam, đây là chi lưu lớn nhất của hệ thống sông Đồng Nai. Sông Bé bắt nguồn từ các dãy núi cao 600-800 m trên cao nguyên Xnaro (Nam Tây Nguyên), chảy

qua tỉnh Bình Phước, xuống Bình Dương và hợp lưu với sông Đồng Nai tại Hiếu Liêm, Sông Bé có chiều dài khoảng 350 km và diện tích lưu vực là 7.650 km<sup>2</sup>. Phần chảy qua Bù Đốp có chiều dài khoảng 33,5 km với diện tích lưu vực khoảng 810 km<sup>2</sup>. Đây là một sông đặc trưng cho sông nội địa trong vùng đồi núi nhiệt đới mưa mùa, với dòng chảy phân bố rất không đều trong năm và hầu như không bị ảnh hưởng của thủy triều; ngoài ra, có lòng sông sâu và độ dốc lòng sông cao. Vì vậy, việc lấy nước của Sông Bé để tưới cho cây cối thường gặp nhiều khó khăn. Đồng thời trên địa bàn huyện còn có suối nhỏ và nhiều bầu bưng, hồ chứa khác.

## **II. CÁC NGUỒN TÀI NGUYÊN**

### **2.1. Tài nguyên đất**

a) Nhóm đất đỏ vàng: Có diện tích lớn nhất 30.294,65 ha. chiếm 79,71% tổng diện tích tự nhiên. Nhóm đất đỏ vàng được hình thành trên 03 loại đá mẹ và mẫu chất khác nhau: Đá bazan, đá phiến sét và mẫu chất phù sa cổ.

\* Đất nâu đỏ (Fk) và nâu vàng (Fu) trên bazan:

- Đất nâu đỏ trên bazan (Fk): có diện tích 10.145,32 ha (chiếm 26,69% tổng diện tích nhóm đất đỏ vàng), phân bố chủ yếu ở xã Hưng Phước, Thiện Hưng, một ít ở xã Thanh Hoà và xã Tân Tiến.

- Đất nâu vàng trên bazan (Fu): có diện tích 8.790,64 ha (23,13% tổng diện tích nhóm đất đỏ vàng), phân bố chủ yếu ở xã Thanh Hoà, Tân Tiến, Tân Thành.

Đất nâu đỏ và nâu vàng trên bazan nhìn chung có thành phần cơ giới từ thịt nặng đến sét; phản ứng dung dịch đất thường chua, CEC, cation kiềm trao đổi và độ no bazơ trong đất thấp, giàu mùn, đạm, lân nhưng nghèo kali.

Nhìn chung loại đất này có độ phì tương đối cao, cấu tượng viên, hạt, tơi xốp.... thích hợp với nhiều loại cây trồng công nghiệp lâu năm có giá trị kinh tế cao. Tuy vậy khả năng sử dụng của đất này phụ thuộc rất nhiều vào độ dốc địa hình và độ dày tầng đất hữu hiệu.

(i) Các đất có địa hình < 200 và tầng đất hữu hiệu > 70 cm nên dành cho việc trồng các cây dài ngày có giá trị kinh tế cao như cao su, tiêu và các cây ăn trái.

(ii) Các đất có địa hình < 200 và tầng đất hữu hiệu < 50 cm nên dành cho việc trồng cây hằng năm như các loại đậu đỗ, bắp, hoa màu khác, có thể trồng được các cây dài ngày như cây điều.

(iii) Các đất có địa hình > 200 nên dành cho việc trồng và tu bổ rừng.

**Bảng 1.2.** Tổng hợp diện tích các nhóm đất và loại đất huyện Bù Đốp

Tên đất		Ký hiệu	Diện tích	
Việt Nam	Tên tương đương WRB (*)		(ha)	(%)
<b>I. NHÓM ĐẤT ĐỎ VÀNG</b>			<b>30.294,65</b>	<b>79,71</b>
1. Đất nâu đỏ trên bazan	Acric Ferralsols (Rhodic)	Fk	10.145,32	26,69
2. Đất nâu vàng trên bazan	Acric Ferralsols (Xanthic)	Fu	8.790,64	23,13
3. Đất nâu vàng trên phù sa cổ	Haplic Acrisols (Chromic)	Fp	381	1,00
4. Đất đỏ vàng trên đá phiến	Haplic Acrisols (Endo-Hyperskeletal, Chromic)	Fs	10.977,96	28,88
<b>II. NHÓM ĐẤT ĐỎC TỤ</b>			<b>4.449,12</b>	<b>11,71</b>
5. Đất đỏc tụ thung lũng	Umbric Gleysols (Cumulic)	D	4.490,12	11,71
<b>III. ĐẤT KHÁC</b>			<b>3.264,69</b>	<b>8,59</b>
- Sông suối và mặt nước	Rivers, ponds, lakes	MN	3.264,69	8,59
<b>TỔNG DIỆN TÍCH</b>			<b>38.008,46</b>	<b>100</b>

\* Đất nâu vàng trên phù sa cổ (Fp):

Có diện tích 381,00 ha, chiếm 1,00% tổng diện tích nhóm đất đỏ vàng, phân bố chủ yếu ở Tân Tiến và Thanh Hòa. Loại đất này có thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến thịt trung bình; đất có phản ứng chua, CEC, Cation kiềm trao đổi trong đất thấp; nghèo mùn, đạm, lân và kali.

Trong nông nghiệp, đơn vị đất nâu vàng trên phù sa cổ tuy có độ phì không cao nhưng thích hợp với nhiều loại hình sử dụng đất: từ các cây dài ngày như cao su, cà phê, tiêu, điều.... các loại cây ăn quả cho đến các loại cây hằng năm như rau, đậu, bắp.... Tùy thuộc vào địa hình và tầng dày đất hữu hiệu, khả năng sử dụng đất có thể khái quát như sau:

(i) Các đất phân bố ở địa hình < 200 và tầng đất hữu hiệu > 70 cm có khả năng trồng được nhiều loại cây kể cả cây dài ngày và cây hằng năm, đặc biệt là các cây dài ngày có giá trị kinh tế cao như cao su, điều, cây ăn trái.

(ii) Các đất phân bố ở địa hình < 200 và tầng đất hữu hiệu < 50 cm chỉ có khả năng trồng cây hằng năm, những nơi đất quá mỏng (< 30cm) chỉ nên trồng rừng nhằm bảo vệ đất và môi trường.

**\* Đất đỏ vàng trên đá phiến (Fs):**

Có diện tích 10.977,96 ha, chiếm 28,88% tổng diện tích nhóm đất đỏ vàng, phân bố chủ yếu ở xã Hưng Phước. Đất có thành phần cơ giới từ thịt nặng đến sét; đất có phản ứng chua, CEC, Cation kiềm trao đổi và BS trong đất thấp; nghèo kali khá đến giàu.

Trong nông nghiệp, đất đỏ vàng trên phiến sét có khả năng sử dụng hạn chế do:

(i) Tầng đất mỏng: Tầng đá mẹ xuất hiện trong vòng 0-30cm và trong tầng đất thường lẫn mảnh đá.

(ii) Phân bố ở địa hình dốc và chia cắt mạnh.

**b) Nhóm đất dốc tụ**

Nhóm đất dốc tụ có diện tích 4.449,12 ha, chiếm 11,71% tổng diện tích tự nhiên, Nhóm đất dốc tụ có 01 đơn vị bản đồ: Đất dốc tụ. Đất dốc tụ được hình thành và phát triển từ các sản phẩm, vật liệu trên địa hình cao tích tụ xuống các thung lũng, hợp thủy do trọng lực, do đó vật liệu đất thường không chọn lọc và bị Gley.

Trong điều kiện chung của huyện, các đất dốc tụ đa số được sử dụng trồng lúa nước 1 vụ mùa mưa. Về lâu dài, nếu có tưới, nên khai thác trồng lúa nước kết hợp với 1 vụ hoa màu hoặc đào ao nuôi trồng thủy sản. Nhìn chung các đất dốc tụ có độ phì nhiêu tương đối khá, nhưng chua. Địa hình thấp trũng, khó thoát nước.

Đất dốc tụ có 4.449,12 ha, chiếm 11,71% tổng diện tích tự nhiên, hình thành ở địa hình thung lũng, trên các sản phẩm bồi tụ từ các khu vực đồi, núi cao xung quanh, phân bố rất rải rác ở khắp các khe hợp thủy và thung lũng ở vùng đồi núi.

Nhóm đất này có độ phì nhiêu tương đối khá, nhưng chua. Địa hình thấp trũng, khó thoát nước nên chỉ có khả năng sử dụng cho việc trồng các cây hằng năm như lúa, hoa màu, lương thực.

Đánh giá đất theo mức độ thích nghi với cây trồng: Tài nguyên đất huyện Bù Đốp xếp ở cấp ít thích nghi hoặc phải cải tạo mới thích nghi với 2 vụ lúa. Vì vậy, đây cũng là một hạn chế trong sản xuất nông nghiệp.

## **2.2. Tài nguyên nước**

### **2.2.1. Tài nguyên nước mặt**

Huyện Bù Đốp được bao bọc xung quanh bởi những sông, suối lớn: Phía Bắc là sông Măng, phía Đông và Đông Nam là sông Bé. Ngoài ra còn có một số suối lớn nhỏ và một số đầm, hồ, bung, bầu. Đó là nguồn nước chủ yếu cung cấp cho sản xuất và sinh hoạt. Sông Bé chảy dài dọc theo ranh giới phía Nam huyện Bù Đốp và theo hướng Đông Bắc-Tây Nam, chảy qua các huyện Phước Long, Bình Long, Đồng Phú và chảy về tỉnh Bình Dương. Trên dòng Sông Bé đã có 03 công trình thủy điện lớn theo 03 bậc thang: Thủy điện Thác Mơ, Cắn Đơn và Sóc Phu Miêng và sẽ có công trình thủy lợi lớn Phước Hoà. Sông Măng chạy dọc biên giới Campuchia và tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, do lượng mưa phân bố theo mùa nên tình trạng dư thừa nước vào mùa mưa và thiếu nước khá trầm trọng vào mùa khô vẫn luôn xảy ra.

### **2.2.2. Tài nguyên nước ngầm**

Nguồn nước ngầm trong huyện chia ra 2 tiểu vùng: Vùng thứ nhất địa hình đồi cao > 100m (chủ yếu là đất đỏ bazan), vùng này nước ngầm sâu từ 50-100m, lưu lượng 1.2-2.0 lít/giây. Vùng thứ hai ở dạng địa hình thấp, độ sâu mực nước từ 10-15m, lưu lượng từ 10-15 lít/giây.

Nhìn chung, hệ thống sông suối huyện nhiều nhưng lòng sông hẹp, dốc nên lũ lớn trong mùa mưa ít có khả năng bồi đắp phù sa và khô kiệt trong mùa khô. Vì vậy, đã hạn chế khả năng cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt. Muốn sử dụng được nguồn nước này cho sản xuất cần có những đầu tư lớn vào các công trình thủy lợi.

## **2.3. Tài nguyên khoáng sản**

### *a) Khoáng sản kim loại*

Theo bản đồ khoáng sản của tỉnh Bình Phước thì huyện Bù Đốp là huyện ít về khoáng sản, chỉ có nguyên liệu như than bùn, phún sỏi.... Nguồn tài nguyên khoáng sản chính là than bùn hiện đang được khai thác tại xã Tân Thành, chiều dày 1,5 – 2,5m, chất lượng có độ tro cao dùng chủ yếu làm phân bón.

- Khoáng sản kim loại: Hiện chưa có số liệu khảo sát cụ thể về các loại khoáng sản kim loại trên địa bàn huyện, tuy nhiên có phát hiện kim loại quý bằng phương pháp đãi lấy mẫu ở một số vị trí, nhưng hàm lượng rất thấp, từ 1-5 hạt/mẫu đất.

### *b) Vật liệu xây dựng*

Vật liệu xây dựng: Hiện nay chưa có số liệu cụ thể về trữ lượng vật liệu xây dựng và sét gạch ngói trên địa bàn huyện; tình hình khai thác vật liệu xây dựng chủ yếu hiện nay tập trung vào phún sỏi đỏ và khai thác đá tại các sườn đồi.

## **2.4. Tài nguyên nhân văn**

Bù Đốp thuộc tỉnh Bình Phước là huyện miền núi, biên giới có 6 xã, và 1 thị trấn, có chung đường biên giới 73,3 km tiếp giáp với nước bạn Campuchia. Đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 17,3%, có 25 dân tộc thiểu số và 06 tổ chức tôn giáo cùng sinh sống trên địa bàn huyện.

Đồng bào các dân tộc sống đan xen trên địa bàn 06 xã và 01 thị trấn của huyện, số người theo các tôn giáo là 5.741 tín đồ chiếm 11,34% dân số của toàn huyện, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện là 2,72%. Nhìn chung, đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số và biên giới còn gặp nhiều khó khăn; cơ sở hạ tầng còn yếu kém, mặt bằng dân trí thấp, mức độ thụ hưởng văn hóa tinh thần còn thiếu thốn, đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số (nhất là đồng bào dân tộc tại chỗ như: S'tiêng, Khơ-me...) chưa thật sự ổn định, bền vững, còn nhiều hộ đồng bào dân tộc thiểu số chưa vượt qua được chuẩn nghèo. Vì vậy, công tác xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số đang là vấn đề bức thiết đặt ra cho Đảng bộ và Nhân dân toàn huyện.

## **III. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT**

Bù Đốp là huyện có nền kinh tế phát triển chưa cao, nông nghiệp là chính (chủ yếu là cây lâu năm và chăn nuôi), công nghiệp – TTCN chưa phát triển, thương mại - dịch vụ còn chưa phát huy hết tiềm năng (cụm công nghiệp và hai khu kinh tế cửa khẩu đang trong quá trình hình thành); đất nông nghiệp chiếm tỷ trọng khá cao: 88,63% DTTN; đất phi nông nghiệp chỉ chiếm 11,37% DTTN. Như vậy có thể thấy môi trường trong vùng vẫn còn mang sắc thái tự nhiên và được duy trì tốt.

Trong đó, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ngày càng hoàn thiện phục vụ hiệu quả cho quá trình phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường; bộ máy tổ chức từ huyện đến xã được nâng cao về số lượng lẫn chất lượng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong quản lý môi trường; nhận thức về bảo vệ môi trường của các cấp, các ngành và cộng đồng dân cư đã được nâng lên đáng kể; mức độ ô nhiễm, khả năng suy thoái môi trường đã dần được kiểm soát và giảm thiểu.

Về chất lượng nguồn nước: chất lượng nguồn nước mặt nhìn chung đạt quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt (QCVN 08:2009/BTNMT cột A1 và A2), nhưng đã có dấu hiệu bị ô nhiễm cục bộ bởi chất thải sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và sản xuất công nghiệp. Chất lượng nước ngầm trên địa bàn huyện tương đối tốt. Các công trình cung cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn.

Về môi trường không khí: chất lượng không khí nhìn chung còn tốt, hầu hết các chỉ tiêu đều đạt tiêu chuẩn cho phép, chỉ một khu vực gần đường giao thông ô nhiễm

tiếng ồn cục bộ. Tại các cơ sở sản xuất, chất lượng không khí nhìn chung đạt tiêu chuẩn vệ sinh 3733/2002/QĐ-BYT, chỉ một số khu vực ở gần các cơ sở chế biến nông sản thì không khí còn mùi hôi do khí NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S và khí thải hạt điều.

Về tình hình quản lý khai thác vật liệu xây dựng và khoáng sản: Căn cứ vào quy hoạch thăm dò và khai thác khoáng sản của tỉnh. UBND huyện đã kịp thời chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường công tác kiểm tra trong quá trình khai thác các doanh nghiệp được cấp phép trên địa bàn huyện. Kiểm tra và xử lý các trường hợp khai thác trái phép nhằm tăng cường công tác quản lý đảm bảo khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường bền vững. Thường xuyên tuyên truyền, vận động Nhân dân bảo vệ tài nguyên khoáng sản thông qua các phương tiện thông tin, đại chúng từ đó đã tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của người dân địa phương.

Về công tác bảo vệ và cải thiện môi trường đô thị: Công tác bảo vệ và cải thiện môi trường đô thị khu vực nội ô thị trấn rất được quan tâm, các cơ quan ban ngành thường xuyên tiến hành kiểm tra việc thu gom, xử lý rác thải ở các tuyến đường, khu vui chơi, giải trí tại trung tâm huyện nhằm đảm bảo mỹ quan đô thị, bảo vệ môi trường, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội địa phương.

Về công tác bảo vệ và cải thiện môi trường nông thôn: trên địa bàn huyện Bù Đốp đã và đang thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, bộ mặt nông thôn trong 5 năm qua đang có nhiều khởi sắc, đời sống người dân địa phương được cải thiện, các công tác đặc biệt tập trung vào công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường đối với người dân địa phương. Ngoài ra, các cơ quan ban ngành thường xuyên tổ chức kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường tập trung trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, vật tư nông nghiệp, chế biến nông sản, chăn nuôi... nhằm ngăn ngừa, phát hiện, đồng thời xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Về chất thải rắn: Công tác quản lý chất thải rắn đã được các cấp, ngành và cộng đồng quan tâm, công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt được chú trọng, tuy chưa xuất hiện nhiều trường hợp ô nhiễm do chất thải rắn, nhưng để đáp ứng với tốc độ phát triển kinh tế – xã hội hiện nay của huyện thì việc xử lý chất thải rắn từ sản xuất công nghiệp, sinh hoạt, đô thị là điều hết sức quan trọng cần được đầu tư phù hợp.

Về biến đổi khí hậu: diễn biến vấn đề biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Bình Phước nói chung trong thời gian qua được thể hiện qua thời gian nắng nóng kéo dài vào mùa khô. Dự báo trong những năm tới tình trạng thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất trong mùa khô sẽ ngày càng nghiêm trọng, hiện tượng cực đoan thời tiết sẽ diễn ra phức tạp hơn, nhiều nơi hơn cả mùa mưa và mùa khô.

Tóm lại, công tác bảo vệ môi trường trong thời gian qua của tỉnh Bình Phước nói chung, huyện Bù Đốp nói riêng đã có nhiều bước tiến rõ rệt, chất lượng môi trường được cải thiện: Tổ chức, bộ máy, kinh phí đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, các hoạt động giám sát, quan trắc môi trường và nguồn lực, sự tham gia của cộng đồng được tăng cường và đẩy mạnh. Tuy nhiên vẫn còn những vấn đề đáng quan tâm như chưa quản lý chặt chẽ việc khai thác tài nguyên khoáng sản, cơ sở hạ tầng và kỹ thuật bảo vệ môi trường chưa được đầu tư tương ứng với khối lượng chất thải phát sinh, chưa có hệ thống xử lý nước thải đô thị.

#### **IV. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

##### **4.1. Tình hình nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ**

###### *a). Về sản xuất nông nghiệp:*

- Trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng toàn huyện là 23.766,1 ha, đạt 101,99% so với Nghị quyết của HĐND huyện (23.302 ha). Trong đó: cây hằng năm là 4.870 ha, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước; cây lâu năm là 18.896,1 ha, đạt 98,80% so với cùng kỳ năm trước. Năng suất, sản lượng một số cây trồng chính (Tiêu, Lúa, Điều, Bắp) giữ mức ổn định.

- Chăn nuôi: Tình hình chăn nuôi tiếp tục phát triển; tổng đàn gia súc đạt 375.996 con. Trong đó: tổng đàn heo 316.769 con, đạt 139,74% so với cùng kỳ, đạt 118% so với kế hoạch. Tổng gia cầm 237.780 con, đạt 115,83% so với cùng kỳ, đạt 86% so với kế hoạch. Năm 2024, tại địa bàn xã Thanh Hòa đã phát sinh dịch tả lợn Châu Phi (71 con lợn/2.380 kg) và 01 ổ dịch bệnh Đại động vật. UBND huyện đã chỉ đạo ngành chức năng, UBND xã Thanh Hòa thực hiện tiêu độc, khử trùng môi trường chăn nuôi, tiêu hủy số lợn và động vật bị bệnh năng. Đến nay toàn huyện đã công bố hết dịch.

###### *b). Công nghiệp - xây dựng:*

- Giá trị sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và Xây dựng ngoài quốc doanh (theo giá hiện hành) ước thực hiện đến 31/12/2024: đạt 1.091 tỷ đồng, đạt 100,2% Kế hoạch của HĐND huyện năm 2024 tăng 10,9% so với cùng kỳ năm 2023 (trong đó chưa bao gồm doanh thu của Công ty BOT Cần Đơn).

- Hoàn chỉnh, trình Sở Xây dựng thẩm định nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bù Đốp đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 (lần 2). Phê duyệt Đồ án quy hoạch xã Phước Thiện, xã Tân Thành và xã Thanh Hòa. Thông qua Đồ án quy hoạch xã Tân Tiến và Hưng Phước.

###### *c). Thương mại - dịch vụ*

- Thực hiện Kế hoạch cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam năm 2024; Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển hệ thống thương mại, thương mại



điện tử, thương mại biên giới giai đoạn 2021-2025. Triển khai phát động Hội thi STKT lần VIII năm 2024-2025; triển khai hệ thống QLCL ISO 9001:2015 năm 2023 cho các xã, thị trấn.

- Những năm qua, huyện luôn tăng cường công tác quản lý nhà nước về thương mại, dịch vụ, hạn chế tình trạng buôn lậu, hàng giả, kém chất lượng. Dịch vụ bưu chính viễn thông, điện lực phát triển, góp phần thúc đẩy sản xuất và nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân. Theo định hướng đến năm 2025 thì phát triển hoạt động thương mại dịch vụ theo hướng đa dạng hóa các loại hình kinh doanh với nhiều thành phần kinh tế tham gia. Phát triển các loại hình dịch vụ để tăng tỷ trọng giá trị dịch vụ. Đẩy mạnh phát triển nội thương, tăng cường quan hệ, hợp tác phát triển, mở rộng thị trường hàng hóa xuất khẩu, tăng thêm nguồn thu ngoại tệ. Liên kết mặt hàng, nguồn hàng với các tổng công ty, các thành phố lớn trong vùng nhằm đa dạng hóa các mặt hàng.

- Giá trị Thương mại - dịch vụ (theo giá hiện hành) ước thực hiện đến 31/12/2024: đạt 1.442 tỷ đồng, đạt 100,5% Kế hoạch của HĐND huyện năm 2024, tăng 10,95% so với cùng kỳ.

## **4.2. Về văn hoá – xã hội**

### *a. Giáo dục đào tạo.*

- Toàn huyện hiện có 25 trường học thuộc huyện quản lý. Năm 2024, các trường học trên địa bàn huyện đã hoàn thành chương trình giảng dạy năm học 2023-2024, đạt 100% kế hoạch. Năm học mới 2024-2025: số trẻ 5 tuổi đi học mẫu giáo là 1.010/1.015 trẻ, đạt tỷ lệ: 99,5% (Tinh giao 99%); Số trẻ 6 tuổi ra lớp là 1.173/1.173 trẻ, đạt 100% (Tinh giao 99,5%); số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 100% (Tinh giao 98%).

- Năm 2024, huyện có 4/4 trường học trực thuộc được xét công nhận đạt chuẩn Quốc gia, đạt 100% chỉ tiêu Kế hoạch (nâng tổng trường đạt chuẩn quốc gia toàn huyện lên 15/22 trường, đạt tỷ lệ 68%); Hoàn thành đưa vào sử dụng điểm trường Mẫu giáo khu dân cư biên giới xã Thanh Hòa.

### *b. Văn hóa Thông tin - Thể thao - Truyền thanh.*

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa; trong đó xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, chấn chỉnh các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, quảng cáo.

- Kiểm tra và đảm bảo vận hành cụm loa truyền thanh thông minh tại các thôn, ấp, điểm dân cư nhằm phục vụ tốt công tác tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước và các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước và địa phương.

- Thực hiện công tác tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh; tuyên truyền bằng Pano, băng rôn, xe tuyên truyền lưu động . Tổ chức thành công tác hoạt động văn hóa, văn nghệ; Liên hoan văn hóa - thể thao các dân tộc trên địa bàn huyện; Bên cạnh đó huyện tham gia các hoạt động văn hóa- văn nghệ do tỉnh tổ chức đều đạt giải cao .

- Từng bước triển khai thực hiện có hiệu quả hơn phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và cuộc vận động “Người Bình Phước nói lời hay làm việc tốt”; “xây dựng đô thị văn minh” năm 2024: Toàn huyện có 14.920/15.304 hộ gia đình văn hóa chiếm 97,4% đạt chỉ tiêu NQ, có 51/52 khu dân cư đạt KDC văn hóa đạt 98%, đạt chỉ tiêu NQ; 82/83 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa, đạt tỷ lệ 98,8%, đạt chỉ tiêu NQ.

- Tập trung triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số, nhất là các hạng mục đầu tư cho chuyển đổi số và an toàn thông tin năm 2024. Trong năm 2024, huyện đã bố trí nguồn lực thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số 4.334 tỷ đồng đầu tư hạ tầng chuyển đổi số; tổ chức 09 lớp tập huấn chuyển đổi số cho các đơn vị, địa phương; khảo sát, lắp đặt Wifi miễn phí tại xã Thiện Hưng. Kết quả đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số (DTI) cấp huyện năm 2024, huyện Bù Đốp đứng hạng 3 (hai năm liên tiếp).

*c. Y tế.*

- Công tác khám chữa bệnh được quan tâm triển khai thực hiện, đội ngũ y bác sỹ ngày càng quan tâm trong công tác đào tạo; Tổng số bác sỹ: 41 bác sỹ ; tỷ lệ bác sỹ/vạn dân là 6.75 (đạt 107,6% Nghị quyết). Số giường bệnh/vạn dân: 23.39 (đạt 104,1% Nghị quyết). Tổng số lần khám bệnh tại các cơ sở y tế công lập 80.961 (Tuyến huyện: 54.472 lượt, tuyến xã: 26.489 lượt). Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 7.75 ( đạt chỉ tiêu so với Nghị quyết).

- Thực hiện 7 đợt thanh kiểm tra liên ngành, trong đó: kiểm tra 53 cơ sở hành nghề y dược tư nhân (qua đó đã nhắc nhở 03 cơ sở); kiểm tra 48 cơ sở về công tác vệ sinh an toàn thực phẩm (nhắc nhở: 05 cơ sở).

- Tình hình dịch bệnh: Từ đầu năm đến nay ghi nhận 2 ca bệnh mắc bệnh Bạch Hài; 136 ca sốt xuất huyết (trong đó có 01 ca tử vong).

*d. Lao động-Thương binh và Xã hội.*

- Công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm; các chính sách an sinh xã hội được triển khai thực hiện kịp thời, đúng quy định. Thực hiện chi trả không dùng tiền mặt theo Chỉ thị 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ; 100% đối tượng người có công, thân nhân người có công, đối tượng bảo trợ xã hội hàng tháng đã nhận trợ cấp qua tài khoản ngân hàng chính xác, kịp thời.

## **Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

---

- Tổ chức thăm và tặng quà cho các đối tượng chính sách, đối tượng bảo trợ, hộ nghèo trên địa bàn huyện nhân dịp Lễ, Tết; hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm cho các đối tượng theo đúng quy định.

- Công tác giảm nghèo, đào tạo nghề: Đầu năm 2024, toàn huyện có 172 hộ nghèo và 338 hộ cận nghèo. Ngay từ đầu năm huyện đã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giảm nghèo; Kết quả thực hiện đến cuối năm 2024 giảm được 104 hộ nghèo, đạt 126,8% Kế hoạch (trong đó có giảm 41 hộ người đồng bào DTTS), hộ nghèo phát sinh: 18 hộ nghèo; số hộ nghèo huyện nay còn: 86 hộ; Giảm hộ cận nghèo 192/173 đạt 110,9% (trong đó có 47 hộ là đồng bào DTTS), số hộ cận nghèo phát sinh 163 hộ, như vậy số hộ cận nghèo hiện nay: 209 hộ; Đào tạo nghề được 761/450 lao động, đạt 169% Nghị quyết và đạt 100% chỉ tiêu Tỉnh giao; Giải quyết việc làm: 2.507/2.000 lao động, đạt 125,35% Nghị quyết huyện giao.

- Về giải ngân nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo: Tổng kế hoạch vốn đã phân bổ năm 2022, 2023 và 2024 là 4.151,694 triệu đồng. Năm 2024 đề nghị trả lại vốn năm 2022 và 2023 với số tiền 1.015,304 triệu đồng (không thực hiện được do một số dự án không còn đối tượng, hoặc có rất ít đối tượng nên không đủ điều kiện để triển khai thực hiện). Ước thực hiện giải ngân hết năm là: 2.700 triệu đồng, đạt tỷ lệ 89,5% (Trong đó: giải ngân kinh phí năm 2022, 2023 chuyển sang năm 2024 là 100 triệu đồng; kinh phí năm 2024 giải ngân 2.600 triệu đồng).

- Công tác hỗ trợ nhà ở cho các hộ khó khăn nhà ở, hộ nghèo: Năm 2024 đã công nhận và bàn giao nhà ở cho 157 hộ khó khăn về nhà ở (nhà Đại đoàn kết, nhà khu liên kết chốt dân quân biên giới, nhà thanh niên, sửa chữa nhà tình nghĩa...), với tổng kinh phí trên 19.859 triệu đồng.

- Công tác BTXH-TNXH: Triển khai các biện pháp phòng, chống đuối nước; xâm hại đối với trẻ em. Tiếp tục tuyên truyền thực hiện tốt công tác phòng chống tệ nạn xã hội. Đôn đốc các xã, thị trấn quản lý đối tượng sau cai nghiện, tái hòa nhập cộng đồng. Tổng số người tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) Ước thực hiện đến 31/12/2024 là 56.866 người, tỷ lệ bao phủ BHYT chiếm 94% dân số, đạt 100% so với Nghị quyết của HĐND huyện.

- Công tác chính sách, NCC: Tiếp nhận và trình sở giải quyết: 37 hồ sơ đề nghị giải quyết trợ cấp một lần mai táng phí cho người có công cách mạng.

### **4.3. Về lĩnh vực Tài nguyên - Môi trường**

Thường xuyên chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường các biện pháp quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường, khoáng sản trên địa bàn huyện. Do đó, việc quản lý tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện nhìn chung đúng quy định, phù

hợp với tình hình thực tế. Cụ thể về tình hình quản lý tài nguyên và môi trường trong năm 2024 trên địa bàn huyện Bù Đốp như sau:

- Thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024. Tổ chức kiểm tra công tác quản lý đất đai, bảo vệ môi trường tại các xã, thị trấn năm 2024.

- Rà soát tổng hợp số liệu quỹ đất công chưa sử dụng trên địa bàn huyện, hoàn thiện bản đồ địa chính các khu đất công. Giao nhiệm vụ và tiếp tục bố trí kinh phí lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025; Tổ chức Hội nghị tập huấn và PBPL trong lĩnh vực TNMT năm 2024 và Hội nghị triển khai Luật Đất đai 2024 và các văn bản hướng dẫn.

- Thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo đúng quy định và xây dựng Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 trình UBND tỉnh. Thực hiện Kế hoạch quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn huyện. Chỉ đạo các ngành, UBND các xã, thị trấn thực hiện các quy định Luật đất đai năm 2024; tăng cường công tác kiểm tra, xử lý vi phạm về quản lý sử dụng đất, vi phạm pháp luật về môi trường .

- Công nhận QSDĐ cho 27 trường hợp với tổng diện tích 8,61811ha. Giao đất (Đất nông nghiệp tách ra khỏi quy hoạch 3 loại rừng): 51 trường hợp với tổng diện tích 31,88926ha.

## **V. Các nguồn lực của huyện và tỉnh tác động đến sử dụng đất**

### **5.1. Nguồn lực tự nhiên**

Nguồn lực tự nhiên huyện Bù Đốp chủ yếu ở tài nguyên đất toàn huyện 38.008,46 ha với diện tích đất nông nghiệp chiếm 88,44% năm 2024 tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Tài nguyên nước phong phú với nhiều sông, suối chảy trên địa bàn cùng các hồ, đập dự trữ lượng nước lớn tạo điều kiện để tiếp tục phát triển ngành nông nghiệp trên địa bàn cũng như chuyển dịch cơ cấu sang các ngành công nghiệp phụ trợ phát triển nông nghiệp tại chỗ.

Huyện có nguồn lực về khoáng sản khá ít do chỉ có các mỏ khoáng sản như than bùn, sỏi, đá phún...

### **5.2. Nguồn lực con người và công nghệ, hạ tầng kỹ thuật-xã hội**

- Huyện có dân số còn thấp, dân trí của người dân trong độ tuổi lao động chính của huyện ở mức trung bình, những người có trình độ dân trí, kỹ thuật cao trong độ tuổi lao động còn chiếm tỷ lệ thấp dẫn đến chưa phát huy hết nguồn lực con người cũng như thiếu khả năng tiếp thu khoa học công nghệ vào đời sống đặc biệt là sản xuất kinh tế của người dân dẫn đến chậm khả năng chuyển dịch cơ cấu các loại đất.

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn huyện đáp ứng đủ nhu cầu người dân nhưng để phát triển kinh tế thì chưa thể đáp ứng đủ như hệ thống các tuyến

đường dân sinh chưa được cứng hóa toàn bộ, thiếu các khu xử lý chất thải tập trung của huyện. Các cơ sở hạ tầng xã hội thì đã được xây lâu chưa có kế hoạch đầu tư xây dựng, cải tạo lại.

### **5.3. Khả năng thu hút vốn đầu tư công và vốn ngoài ngân sách nhà nước.**

- Giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản tỉnh quản lý: Thực hiện cả năm 2024 là 93.370 triệu đồng, giải ngân đạt 95% kế hoạch.

- Giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản huyện quản lý: Giải ngân cả năm 2024 là 175.063 triệu đồng, đạt 96,4% kế hoạch. Trong đó: Kế hoạch vốn năm 2024 là 126.256 triệu đồng, đạt 96,1%, Kế hoạch vốn năm 2023 giải ngân năm 2024 là 48.807 triệu đồng, đạt 97% kế hoạch.

## **VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **6.1. Thuận lợi**

Huyện Bù Đốp có địa hình tương đối thuận lợi so với khu vực, có 02 cửa khẩu và có mạng lưới giao thông đang phát triển góp phần rút ngắn khoảng cách kết nối các vùng, tạo điều kiện cho huyện giao lưu hàng hóa tiếp cận thị trường và nhận sự tác động tích cực của các động lực kinh tế trước hết Đồng Xoài, Bình Dương xa hơn nữa là vùng kinh tế lớn như Thành phố Hồ Chí Minh.

Huyện có điều kiện khí hậu tương đối ổn định, đất đai thích hợp cho việc thâm canh tăng vụ, phát triển đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi, phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa với những sản phẩm có chất lượng cao cho tiêu dùng và xuất khẩu.

Địa hình tương đối bằng phẳng, chủ yếu là đất đỏ bazan, khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, nhiệt độ tương đối ổn định, bao bọc xung quanh là sông, suối lớn,... rất thuận lợi để phát triển sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là trồng cây công nghiệp lâu năm.

Nền kinh tế của huyện đã và đang chuyển dịch đúng hướng, tốc độ tăng trưởng khá, các ngành lĩnh vực đều phát triển, thu ngân sách đạt và vượt chỉ tiêu. Huyện có nguồn lao động trẻ, dồi dào, người dân cần cù chịu khó, ham học hỏi, tìm tòi, sáng tạo và đoàn kết. Đồng thời có nhiều dự án đầu tư quy mô lớn của nhà nước là nguồn lực lớn để khai thác và phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tới.

Về văn hóa xã hội có nhiều tiến bộ, an sinh xã hội được đảm bảo, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân ngày một nâng lên.

Công tác quản lý đất đai và bảo vệ môi trường được quan tâm thực hiện, từng bước nâng cao nhận thức trong Nhân dân về việc sử dụng có hiệu quả, hợp lý nguồn lực đất đai.

## **6.2. Khó khăn**

Nền kinh tế của huyện có nhiều chuyển biến tích cực tuy nhiên cơ cấu kinh tế còn chậm chuyển dịch, chưa có nhiều sản phẩm hàng hóa. Cơ sở hệ thống hạ tầng mới chỉ phát triển tại thị trấn, trung tâm đô thị còn các khu vực khác còn thiếu, yếu; chưa được đầu tư đồng bộ, ảnh hưởng đến thu hút đầu tư và tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Vấn đề ô nhiễm môi trường không lớn, song cũng đã ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống và sức khỏe của Nhân dân. Quá trình đô thị hóa, đẩy mạnh sản xuất công nghiệp đang có nhiều dấu hiệu gia tăng tác động xấu đến môi trường.

Ngành công nghiệp tuy được chú trọng tuy nhiên khả năng thu hút nguồn đầu tư còn hạn chế. Phần lớn các cơ sở sản xuất công nghiệp có quy mô nhỏ và vừa, mức đầu tư còn thấp, công nghệ chưa có nhiều đổi mới, năng suất thấp, khả năng cạnh tranh kém.

Ngành dịch vụ chưa khai thác được hết tiềm năng, lợi thế. Kết cấu hạ tầng của ngành dịch vụ phân phối còn yếu và lạc hậu; khối lượng hàng hóa lưu thông chủ yếu qua các loại hình kinh doanh truyền thống, nhỏ lẻ. Cơ cấu mặt hàng chưa được đa dạng hóa.

Sức hút thương mại còn yếu, thông tin kinh tế thị trường, thương mại thường không được đầy đủ nên hạn chế nhiều đến khả năng kêu gọi vốn đầu tư, khả năng thích nghi và diễn biến thị trường.

Số lượng lao động trẻ dồi dào tuy nhiên đa phần là lao động phổ thông, tay nghề và chuyên môn còn kém. Với lực lượng lao động kỹ thuật đang làm việc có năng lực và trình độ chuyên môn như hiện nay thì chưa đáp đủ số lượng và yêu cầu của sự phát triển, khả năng cạnh tranh còn thấp.

Công tác tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất chưa đảm bảo theo kế hoạch do thị trường bất động sản tiếp tục trầm lắng; triển khai định giá theo các quy định luật đất đai mới (2024).

Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện còn chậm tiến độ; Công tác Bảo vệ môi trường chưa đạt hiệu quả cao, vẫn còn phản ánh, kiến nghị về ô nhiễm môi trường chủ yếu là mùi hôi phát ra của các trang trại nuôi heo trên địa bàn.

Qua các đoàn thanh, kiểm tra trên các lĩnh vực đã cho thấy công tác quản lý trên lĩnh vực đầu tư xây dựng, sử dụng ngân sách, đấu thầu và công tác quản lý hồ sơ cán bộ công chức còn có những hạn chế nhất định, dẫn đến một số CBCC bị xử lý trách nhiệm (đến nay các tồn tại hạn chế đã được khắc phục).

Một số đơn vị chưa chủ động trong chuẩn bị hồ sơ, thủ tục thi công các dự án công trình, dẫn đến công tác giải ngân vốn CT MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS đạt thấp so với kế hoạch (lũy kế đạt 50%).

## **Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

---

Công tác quyết toán các dự án đã hoàn thành được quan tâm thực hiện nhưng chưa hoàn thành.

Việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính vẫn còn tình hồ sơ trễ hạn.

Tình trạng đổ đất san lấp mặt bằng trái phép, tình trạng buôn bán lấn chiếm lòng lề đường vi phạm hành lang an toàn giao thông còn xảy ra.

Nhìn chung, đây là những tồn tại, hạn chế cần tập trung khắc phục trong thực hiện chỉ tiêu Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển KT-XH, QP-AN trong năm 2025.

## **PHẦN II**

### **KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC**

#### **I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

##### **1.1. Nhiệm vụ quản lý sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bù Đốp được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2022.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Bù Đốp được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2024.

Xác định công tác quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, là căn cứ để giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Trong những năm qua, UBND huyện đã tích cực chỉ đạo các đơn vị, địa phương tập trung các nguồn lực đẩy mạnh công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất làm cơ sở cho công tác quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Công tác lập và phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất hằng năm được UBND huyện quan tâm đảm bảo phù hợp với thực tiễn, sát với tình hình kinh tế xã hội, nhu cầu và nguồn lực của địa phương và đảm bảo quy định của pháp luật.

Chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo yêu cầu chung của huyện Bù Đốp. Tuy nhiên, trong quá trình lập quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đôi khi còn bị động, chưa đánh giá hết thực trạng sử dụng đất, dự báo chỉ tiêu một vài loại đất chưa sát với nhu cầu phát triển của thực tế (chủ yếu do nguồn vốn đầu tư công chưa bố trí đầy đủ để hoàn thành các dự án đã đăng ký). Từ đó xây dựng chỉ tiêu diện tích chuyển mục đích và thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất được phê duyệt trong năm kế hoạch chưa đạt hiệu quả.

Công tác quản lý đất đai được tăng cường chỉ đạo, các hồ sơ, thủ tục hành chính về đất đai được quan tâm giải quyết theo quy định; các vụ việc kiến nghị, khiếu nại về lĩnh vực đất đai được quan tâm xác minh, giải quyết.

Tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

##### **1.2. Kết quả thực hiện các giải pháp thực hiện**

###### **1.2.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường**

- Tăng cường quản lý việc thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn huyện; thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động các cơ sở sản xuất kinh doanh nhằm góp phần bảo vệ môi trường đất.



## **Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

- Tiếp tục triển khai kế hoạch kiểm tra tình hình quản lý sử dụng đất, việc chấp hành các quy định pháp luật bảo vệ môi trường, tài nguyên nước và khoáng sản đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về bảo vệ môi trường.

### **1.2.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất**

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Bù Đốp được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2024. Do đó chưa đủ thời gian để hoàn thành các dự án đăng ký mới năm 2024, số lượng hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt chưa được tổng hợp đầy đủ.

- Trên cơ sở danh mục dự án được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024, các chủ đầu tư đã khẩn trương triển khai để đảm bảo tiến độ chủ trương thực hiện dự án và hoàn thành công tác bồi thường đất, hỗ trợ, tái định cư.

- Huy động nhiều nguồn vốn và quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước, để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội quan trọng theo nguyên tắc đồng bộ, tập trung, không dàn trải, có tính hữu dụng cao để tạo bước đột phá về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Đối với việc huy động nguồn lực từ đất đai, tăng nguồn thu ngân sách, tạo việc làm, phát triển thương mại dịch vụ, thông qua đầu tư bán đấu giá quỹ đất ở các vị trí có lợi thế, khu vực các trục giao thông đến nay vẫn chưa hoàn thành các thủ tục đất đai theo các hạng mục đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

- Tích cực vận động nhân dân hiến đất, góp vốn, xã hội hóa nguồn vốn để xây dựng các công trình dự án phục vụ cho mục đích công cộng, dân sinh như: giao thông nông thôn, thủy lợi...

- Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh để thu hút đầu tư.

- Việc quản lý và khai thác đất đai ven các tuyến đường mới được đầu tư: thu hồi đất để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển công cộng. Khai thác những vị trí thuận lợi cho kinh doanh để tạo nguồn thu từ đất.

### **1.2.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất**

Thực hiện quy định của Luật Đất đai năm 2024, ngay sau khi Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện được phê duyệt, UBND huyện đã kịp thời tổ chức công bố,

## **Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

công khai toàn bộ nội dung Kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt tại trụ sở cơ quan, trên cổng thông tin điện tử của UBND huyện và công bố công khai nội dung kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện có liên quan đến xã, thị trấn tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm công bố công khai đến người dân, người sử dụng đất tại địa bàn xã. Đồng thời thông báo rộng rãi trên đài truyền thanh, truyền hình huyện, trạm truyền thanh các xã, thị trấn để người sử dụng đất biết và thực hiện theo Kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, các phòng ban có liên quan thực hiện các thủ tục về đất đai, nhất là giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất tuân thủ triệt để theo Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

Bám sát Kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để tham gia xây dựng và đóng góp ý kiến cho các Kế hoạch các ngành có liên quan nhằm phát hiện và kịp thời chấn chỉnh các biểu hiện sử dụng đất không theo Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn huyện đã tiếp cận kịp thời và nhanh chóng tiến hành các thủ tục theo quy định để được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

### **2.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 và kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt**

Trên cơ sở số liệu thống kê đất đai năm 2023, đồng thời rà soát tình hình thực hiện các danh mục dự án thực hiện trong năm 2024, kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 của huyện Bù Đốp cụ thể như sau:

**Bảng 2.1.** Hiện trạng sử dụng đất theo nhóm đất năm 2024

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>38.008,46</b>	<b>100</b>
1	Đất nông nghiệp	NNP	33.614,98	88,44
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.393,48	11,56
3	Đất chưa sử dụng	CSD	0,00	-

Tổng diện tích tự nhiên của huyện Bù Đốp là 38.008,46 ha diện tích đất tự nhiên. Trong đó:

- Đất nông nghiệp có diện tích là 33.614,98 ha, chiếm 88,44% tổng DTTN.

## Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

- Đất phi nông nghiệp có diện tích là 4.393,48ha, chiếm 11,56% tổng DTTN.
- Đất chưa sử dụng có diện tích là 0 ha.

**Bảng 2.2.** Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng các loại đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích (ha)	Trong đó		Tổng số Tăng (+) giảm (-)	Trong đó	
						Diện tích (ha); Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/[(5)-(4)]*100	(9)=(6)-(5)	(10)	(11)=(9)-(10)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN</b>		<b>38.008,46</b>	<b>38.008,46</b>	<b>38.008,46</b>					
<b>1</b>	<b>Nhóm đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>33.618,05</b>	<b>33.529,62</b>	<b>33.614,98</b>	<b>-3,07</b>	<b>3,47</b>	<b>85,36</b>	<b>75,17</b>	<b>10,19</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.506,44	1.485,84	1.506,44			20,60	18,64	1,96
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC								
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	1.506,44	1.485,84	1.506,44			20,60	18,64	1,96
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	110,07	110,07	110,07					
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	18.638,03	18.547,42	18.634,96	-3,07	3,39	87,54	71,74	15,80
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD								
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	7.829,43	7.826,73	7.829,43			2,70	2,69	0,01
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	5.114,28	5.083,26	5.114,28			31,02	9,63	21,39
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>1.401,16</i>	<i>1.401,13</i>	<i>1.401,16</i>			<i>0,03</i>		<i>0,03</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	135,60	172,10	135,60			-36,50	-27,53	-8,97
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT								
1.9	Đất làm muối	LMU								
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	284,20	304,20	284,20			-20,00		-20,00
<b>2</b>	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>4.390,41</b>	<b>4.478,84</b>	<b>4.393,48</b>	<b>3,07</b>	<b>3,47</b>	<b>-85,36</b>	<b>-75,17</b>	<b>-10,19</b>
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	335,41	358,92	337,90	2,49	10,59	-21,02	-20,43	-0,59
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	61,62	76,16	62,20	0,58	3,99	-13,96	-12,40	-1,56
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	25,84	24,58	25,84			1,26	1,26	
2.4	Đất quốc phòng	CQP	157,17	185,73	157,17			-28,56	-20,28	-8,28
2.5	Đất an ninh	CAN	3,24	4,31	3,24			-1,07	-1,07	
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	69,15	68,05	69,15			1,10	-0,42	1,52
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	8,48	8,48	8,48					
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH								
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,00	4,70	4,00			-0,70	-0,70	

## Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích (ha)	Trong đó		Tổng số Tăng (+) giảm (-)	Trong đó	
						Diện tích (ha); Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/[(5)-(4)]*100	(9)=(6)-(5)	(10)	(11)=(9)-(10)
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	36,83	35,03	36,83			1,80	0,28	1,52
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	8,44	8,44	8,44					
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH								
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT								
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT								
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG								
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	11,40	11,40	11,40					
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	198,72	221,40	198,72			-22,68	-22,68	
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK								
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN								
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT								
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	11,75	23,62	11,75			-11,87	-11,87	
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	71,17	81,98	71,17			-10,81	-10,81	
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	115,80	115,80	115,80					
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	2.390,10	2.439,13	2.390,10			-49,03	-40,18	-8,85
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	736,96	762,63	736,96			-25,67	-16,82	-8,85
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	172,42	195,78	172,42			-23,36	-23,36	
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT								
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC								
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,19	0,19	0,19					
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	5,53	5,53	5,53					
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1.464,35	1.464,35	1.464,35					

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích (ha)	Trong đó		Tổng số Tăng (+) giảm (-)	Trong đó	
						Diện tích (ha); Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/[(5)-(4)]*100	(9)=(6)-(5)	(10)	(11)=(9)-(10)
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,89	0,89	0,89					
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	5,73	5,73	5,73					
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	4,03	4,03	4,03					
2.9	Đất tôn giáo	TON	6,45	6,45	6,45					
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	0,34	0,34	0,34					
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	27,44	27,37	27,44			0,07		0,07
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.107,32	1.057,32	1.107,32			50,00	41,03	8,97
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	695,10	645,10	695,10			50,00	41,03	8,97
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	412,22	412,22	412,22					
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	7,61	9,08	7,61			-1,47		-1,47
3	<b>Nhóm đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>								
	<i>Trong đó:</i>									
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS								
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS								
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS								
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS								

*Ghi chú:*

(\*): Số liệu phê duyệt theo Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Bù Đốp.

(\*\*): Ước tính số liệu hiện trạng năm 2024 huyện Bù Đốp.

**2.1.1. Nhóm đất nông nghiệp**

Theo Kế hoạch năm 2024 diện tích đất nông nghiệp là 33.529,62 ha. Kết quả thực hiện là 33.614,98 ha; cao hơn so với chỉ tiêu Kế hoạch 85,36 ha. Đánh giá: Chưa đạt mục tiêu Kế hoạch.

## **Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

Nguyên nhân: Diện tích đất nông nghiệp cao hơn so với Kế hoạch do các công trình, dự án quy hoạch dự kiến thực hiện trong năm Kế hoạch 2024 có sử dụng đất nông nghiệp nhưng chưa triển khai thực hiện do thiếu nguồn vốn đầu tư và công tác thu hồi đất chậm thực hiện. Trong đó:

*- Đất trồng lúa:*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 1.485,84 ha. Kết quả thực hiện là 1.506,44 ha; cao hơn so với chỉ tiêu Kế hoạch 20,60 ha. Đánh giá: Chưa đạt mục tiêu Kế hoạch. Do chưa thực hiện các công trình, dự án như: Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước (ADB9) (tên cũ: Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu - Thành phần tỉnh Bình Phước (ADB9)), Công trình Hồ chứa nước Bù Tam thuộc Dự án Cụm công trình thủy lợi vùng cao biên giới tỉnh Bình Phước (tên cũ: Hồ chứa nước Bù Tam)...

*- Đất trồng cây hằng năm khác*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 110,07 ha. Kết quả thực hiện là 110,07 ha; không thay đổi so với chỉ tiêu kế hoạch.

*- Đất trồng cây lâu năm*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 18.547,42 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 18.634,96 ha; cao hơn so với chỉ tiêu Kế hoạch 87,54 ha. Do chưa thực hiện được các công trình, dự án như: Căn cứ hậu cần kỹ thuật (Vùng lõi ccHC-KT huyện), Xây dựng công trình quốc phòng SB-2021 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Phước, Xây dựng đường vành đai từ đường Lê Duẩn (ĐT 759) đi Thiện Hưng, Xây dựng đường giao thông từ trung tâm Thanh Hòa đi cầu Bình Thắng kết nối với huyện Bù Gia Mập, Nâng cấp đường ĐT 759B đoạn từ chợ Tân Thành đi cửa khẩu Cầu Trắng (giai đoạn 2), Nâng cấp láng nhựa đường từ đường ĐT 759B đi rừng đầu nguồn Phước Thiện, Bù Đốp, Xây dựng đường vào các Đồn Biên phòng Đắc Ô - huyện Bù Gia Mập, xã Phước Thiện - huyện Bù Đốp, xã Lộc An, xã Lộc Thiện - huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới...

*- Đất rừng phòng hộ:* Theo Kế hoạch năm 2024 là 7.826,73 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 7.829,43 ha; cao hơn so với chỉ tiêu Kế hoạch 2,70 ha. Do chưa thực hiện được các công trình, dự án như: Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 759B (từ đồn biên phòng 789 đi sông măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu), Xây dựng đường vào các Đồn Biên phòng Đắc Ô - huyện Bù Gia Mập, xã Phước Thiện - huyện Bù Đốp, xã Lộc An, xã Lộc Thiện - huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới.

*- Đất rừng sản xuất:*

### **Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

Theo Kế hoạch năm 2024 là 5.083,26 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 5.114,28 ha; cao hơn so với chỉ tiêu Kế hoạch 31,02 ha. Do chưa thực hiện các công trình, dự án như: Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 759B (từ đồn biên phòng 789 đi sông măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu), Nâng cấp láng nhựa đường từ đường ĐT 759B đi rừng đầu nguồn Phước Thiện, Bù Đốp...

#### **- Đất nuôi trồng thủy sản:**

Theo Kế hoạch năm 2024 là 172,10 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 135,60 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu Kế hoạch 36,50 ha. Do chưa thực hiện được các công trình, dự án như: Cho thuê đất nuôi trồng thủy sản (xã Tân Thành), nhu cầu chuyển mục đích từ đất nuôi trồng thủy sản sang đất trồng cây lâu năm của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện.

#### **- Đất nông nghiệp khác:**

Theo Kế hoạch năm 2024 là 304,20 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 284,20 ha theo kết quả công tác Thống kê đất đai năm 2023 trên địa bàn huyện.

**Bảng 2.3.** Các công trình, dự án đất nông nghiệp khác đã thực hiện trong giai đoạn 2020 – 2024 trên địa bàn huyện Bù Đốp

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
	<b>Năm 2024</b>			
1	Công ty TNHH Trang Trại chăn nuôi Ánh Dương	10,50	Phước Thiện	Năm 2024
2	Công ty TNHH MTV chăn nuôi Lộc Bình	10,60	Phước Thiện	Năm 2024
	<b>Các năm còn lại</b>			
2	Công ty TNHH Chăn nuôi Lộc Thuận	12,01	xã Phước Thiện	Năm 2020
3	Công ty TNHH Phước Thiện Bình Phước	11,01	xã Phước Thiện	Năm 2020
4	Công ty TNHH Chăn nuôi Thành Phát	11,00	xã Hưng Phước	Năm 2021
5	Công ty TNHH Trang trại Kim Ngân	10,29	xã Hưng Phước	Năm 2021
6	Công ty TNHH Chăn nuôi Nhất Bình	20,68	xã Phước Thiện	Năm 2021
7	Công ty TNHH Chăn nuôi Hồng Phát	9,66	xã Phước Thiện	Năm 2021
8	Công ty TNHH Trang trại Lộc Phú	10,05	xã Hưng Phước	Năm 2021
9	Công ty TNHH TMĐT Phú Lộc	21,76	xã Phước Thiện	Năm 2022
10	Công ty TNHH Phước Thiện Xanh	10,00	xã Phước Thiện	Năm 2022

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
11	Mở rộng trang trại chăn nuôi heo của Công ty TNHH Chăn nuôi Phúc An	8,20	xã Hưng Phước	Năm 2023

**2.1.2. Nhóm đất phi nông nghiệp**

Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 4.478,84 ha. Kết quả thực hiện năm 2024 là 4.393,48 ha; thấp hơn so với chỉ tiêu Kế hoạch 85,36 ha. Đánh giá: Chưa đạt mục tiêu Kế hoạch.

Nguyên nhân: Diện tích đất phi nông nghiệp thấp hơn so với Kế hoạch sử dụng đất 2024 do một số dự án đăng ký trong năm chưa được thực hiện. Cụ thể là các dự án quy hoạch hạ tầng giao thông; các công trình quốc phòng, an ninh... khó khăn trong việc giải phóng mặt bằng; huy động nguồn vốn đầu tư và chi phí đền bù hỗ trợ cho người dân nơi thực hiện các dự án. Trong đó:

**- Đất ở nông thôn:**

Theo Kế hoạch năm 2024 là 358,92 ha. Kết quả thực hiện là 337,90 ha; thấp hơn so với chỉ tiêu Kế hoạch 21,02 ha. Do chưa thực hiện các công trình, dự án như: Đấu giá khu đất ấp 6 (Mỹ Lệ cũ), Đấu giá khu đất ấp Tân Hội (giáp ranh nhà văn hoá ấp), Đấu giá khu vực rừng gen Tân Tiến...

**Bảng 2.4.** Các công trình, dự án đất ở tại nông thôn đã thực hiện trong năm kế hoạch 2024

TT	Công trình, dự án	Loại đất QH	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Tân Tiến	ONT	0,53	Tân Tiến
2	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Tân Thành	ONT	0,22	Tân Thành
3	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Thanh Hoà	ONT	0,59	Thanh Hoà
4	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Thiện Hưng	ONT	0,77	Thiện Hưng
5	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Hưng Phước	ONT	0,23	Hưng Phước
6	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Phước Thiện	ONT	0,15	Phước Thiện

**- Đất ở đô thị:**



## **Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

Theo Kế hoạch năm 2024 là 76,16 ha. Kết quả thực hiện là 62,20 ha; thấp hơn so với chỉ tiêu Kế hoạch 13,96 ha. Do chưa thực hiện các công trình, dự án như: Khu đất Tái định cư TT Thanh Bình, Đấu giá Điểm áp Thanh Sơn Trường tiểu học Thanh Bình B (Điểm lẻ Trường MG Thanh Bình cũ)...

**Bảng 2.5.** Diện tích đất ở tại đô thị đã thực hiện trong năm kế hoạch 2024

TT	Công trình, dự án	Loại đất QH	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở TT.Thanh Bình	ODT	0,58	Thanh Bình

- *Đất xây dựng trụ sở cơ quan:*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 24,58 ha. Kết quả thực hiện là 25,84 ha, cao hơn so với chỉ tiêu Kế hoạch 1,26 ha. Do chưa thực hiện được các công trình, dự án như: trụ sở công an xã Tân Thành, trụ sở công an xã Thanh Hòa, Xây dựng trạm y tế xã Thanh Hòa, Xây dựng trạm y tế xã Tân Thành...

- *Đất quốc phòng:*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 185,73 ha. Kết quả thực hiện là 157,17 ha; thấp hơn so với chỉ tiêu Kế hoạch 28,56 ha. Do chưa thực hiện các công trình, dự án như: Căn cứ hậu cần kỹ thuật (Vùng lõi ccHC-KT huyện), Xây dựng công trình quốc phòng SB-2021 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Phước...

**Bảng 2.6.** Các công trình, dự án đất quốc phòng đã thực hiện trong giai đoạn 2020 – 2024 trên địa bàn huyện Bù Đốp

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
1	Đồn Biên phòng Bù Đốp (793)	6,32	Hung Phước	Năm 2020

- *Đất an ninh:*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 4,31 ha. Kết quả thực hiện là 3,24 ha; thấp hơn so với chỉ tiêu Kế hoạch 1,07 ha. Do chưa thực hiện các công trình, dự án như: trụ sở công an xã Tân Tiến, trụ sở công an xã Hưng Phước, trụ sở công an xã Phước Thiện, trụ sở công an xã Tân Thành, trụ sở công an xã Thanh Hòa.

- *Đất xây dựng cơ sở văn hóa:*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 8,48 ha. Kết quả thực hiện là 8,48 ha; không thay đổi so với chỉ tiêu kế hoạch.

- *Đất xây dựng cơ sở y tế:*

## **Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

Theo Kế hoạch năm 2024 là 4,70 ha. Kết quả thực hiện là 4,00 ha; thấp hơn so với chỉ tiêu Kế hoạch 0,70 ha. Do chưa thực hiện được các công trình, dự án như: Xây dựng trạm y tế xã Thanh Hòa, Xây dựng trạm y tế xã Tân Thành.

*- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 35,03 ha. Kết quả thực hiện là 36,83 ha; cao hơn so với chỉ tiêu Kế hoạch 1,80 ha. Do chưa thực hiện được các công trình, dự án như: trụ sở công an xã Hưng Phước, trụ sở công an xã Phước Thiện, Đấu giá Điểm Trường Trung Thủy- Trường Tiểu học Thanh Bình B, Đấu giá Khu đất đường 7/4 thị trấn Thanh Bình (Trường MG Thanh Bình cũ)...

**Bảng 2.7.** Các công trình, dự án đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo đã thực hiện trong giai đoạn 2020 – 2024 trên địa bàn huyện Bù Đốp

TT	Công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
1	Xây dựng điểm lẻ ấp 6 trường TH và THCS Thanh Hòa	0,19	Thanh Hòa	Năm 2023
2	Trường THCS Bù Đốp	1,30	Thiện Hưng	Năm 2023
3	Trường mầm non Hưng Phước	0,87	Hưng Phước	Năm 2023
4	Trường mầm non Thanh Bình	1,63	Thanh Bình	Năm 2023
5	Trường mẫu giáo Hưng Phước	1,00	Hưng Phước	Năm 2021
6	Trường mẫu giáo Tân Tiến	1,00	Tân Tiến	Năm 2021
7	Trường tiểu học Thiện Hưng B	0,30	Thiện Hưng	Năm 2021
8	Trường tiểu học Thiện Hưng C	0,57	Thiện Hưng	Năm 2021

*- Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao:*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 8,44 ha. Kết quả thực hiện là 8,44 ha; không thay đổi so với chỉ tiêu kế hoạch.

*- Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác:*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 11,40 ha. Kết quả thực hiện là 11,40 ha; không thay đổi so với chỉ tiêu kế hoạch.

*- Đất thương mại dịch vụ:*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 23,62 ha. Kết quả thực hiện là 11,75 ha; thấp hơn so với chỉ tiêu Kế hoạch 11,87 ha. Do chưa thực hiện được việc chuyển đổi mục đích

### **Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

sử dụng từ đất trồng cây lâu năm sang đất thương mại dịch vụ trên địa bàn huyện theo kế hoạch đã được phê duyệt.

**Bảng 2.8.** Các công trình, dự án đất thương mại dịch vụ đã thực hiện trong giai đoạn 2021 – 2024 trên địa bàn huyện Bù Đốp

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
1	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Yến Minh	0,02	Thanh Hòa	Năm 2020
2	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Xăng dầu Thành Công	0,09	Tân Thành	Năm 2020
3	Cửa hàng tiện ích Bù Đốp	0,03	Thanh Bình	Năm 2021
4	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Ngọc Tâm	0,08	Thiện Hưng	Năm 2021

*- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 81,98 ha. Kết quả thực hiện là 71,17 ha; thấp hơn so với chỉ tiêu Kế hoạch 10,81 ha. Do chưa thực hiện được việc chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện theo kế hoạch đã được phê duyệt.

**Bảng 2.9.** Các công trình, dự án đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đã thực hiện trong giai đoạn 2021 – 2024 trên địa bàn huyện Bù Đốp

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
1	Công ty TNHH Thanh Tòng	13,29	xã Tân Thành	Năm 2021
2	Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận tải Nhật Long Bình Phước	1,31	xã Thiện Hưng	Năm 2021

*- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 115,80 ha. Kết quả thực hiện là 115,80 ha; không thay đổi so với chỉ tiêu kế hoạch.

**Bảng 2.10.** Các công trình, dự án đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đã thực hiện trong giai đoạn 2021 – 2024 trên địa bàn huyện Bù Đốp

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
1	Công ty TNHH Thanh Tòng	107,04	xã Tân Thành	Năm 2021

*- Đất công trình giao thông:*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 762,63 ha. Kết quả thực hiện là 736,96 ha; thấp hơn so với chỉ tiêu Kế hoạch 25,67 ha. Do chưa thực hiện được các công trình, dự án như: Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 759B (từ đồn biên phòng 789 đi sông măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu), Xây dựng đường vành đai từ đường Lê Duẩn (ĐT 759) đi

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

Thiện Hưng, Xây dựng đường giao thông nông thôn từ ĐT 759B đi ấp 4 Hưng Phước (khu tái định cư đập thủy lợi Bù Tam) ra đường tuần tra biên giới, huyện Bù Đốp, Xây dựng đường giao thông từ trung tâm Thanh Hòa đi cầu Bình Thắng kết nối với huyện Bù Gia Mập...

**Bảng 2.11.** Các công trình, dự án đất giao thông đã thực hiện trong giai đoạn 2021 – 2024 trên địa bàn huyện Bù Đốp

TT	Công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
1	Đường giao thông nông thôn khu dân cư ấp 03, xã Thanh Hòa	1,30	Thanh Hòa	Năm 2023
2	Đường Hùng Vương nối dài	1,41	Thanh Bình	Năm 2023
3	Đường tránh trung tâm hành chính huyện	3,76	Thanh Bình; Thiện Hưng; Thanh Hòa	Năm 2023
4	Đường ĐT 759 đi trung tâm thương mại huyện	4,99	Thanh Bình; Thiện Hưng	Năm 2022
5	Đường Lộc Tấn – Bù Đốp	0,70	Tân Thành	Năm 2022
6	Nâng cấp đường nhựa khu phố Thanh Bình	1,60	Thanh Bình	Năm 2022
7	Xây dựng đường GTNT từ ấp 1 xã Thanh Hòa đi tổ 5 khu phố Thanh Bình, TT Thanh Bình	0,50	Thanh Hòa	Năm 2022
8	Đường giao thông tổ 8 ấp Thanh Sơn, Thị trấn Thanh Bình	1,00	Thanh Bình	Năm 2022
9	Đường giao thông nông thôn khu dân cư tổ 34 ấp Tân Phú xã Tân Thành	0,70	Tân Thành	Năm 2022
10	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 759B (Trung tâm xã Phước Thiện đến cửa khẩu Hoàng Diệu)	3,00	Hưng Phước, Phước Thiện	Năm 2021
11	Đường Hoàng Văn Thụ nối dài	2,50	Thanh Bình	Năm 2021

- *Đất công trình thủy lợi:*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 195,78 ha. Kết quả thực hiện là 172,42 ha; thấp hơn so với chỉ tiêu Kế hoạch 23,36 ha. Do chưa thực hiện được các công trình, dự án như: Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước (ADB9) (tên cũ: Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu - Thành phần tỉnh Bình

## **Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

Phước (ADB9)), Công trình Hồ chứa nước Bù Tam thuộc Dự án Cụm công trình thủy lợi vùng cao biên giới tỉnh Bình Phước (tên cũ: Hồ chứa nước Bù Tam).

*- Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên:*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 0,19 ha. Kết quả thực hiện là 0,19 ha; không thay đổi so với chỉ tiêu kế hoạch.

*- Đất công trình xử lý chất thải:*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 5,53 ha. Kết quả thực hiện là 5,53 ha; không thay đổi so với chỉ tiêu kế hoạch.

*- Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng:*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 1.465,35 ha. Kết quả thực hiện là 1.465,35 ha; không thay đổi so với chỉ tiêu kế hoạch.

*- Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin:*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 0,89 ha. Kết quả thực hiện là 0,89 ha; không thay đổi so với chỉ tiêu kế hoạch.

*- Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối:*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 5,73 ha. Kết quả thực hiện là 5,73 ha; không thay đổi so với chỉ tiêu kế hoạch.

*- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng:*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 4,03 ha. Kết quả thực hiện là 4,03 ha; không thay đổi so với chỉ tiêu kế hoạch.

*- Đất tôn giáo:*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 6,45 ha. Kết quả thực hiện là 6,45 ha; không thay đổi so với chỉ tiêu kế hoạch.

*- Đất tín ngưỡng:*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 0,34 ha. Kết quả thực hiện là 0,34 ha; không thay đổi so với chỉ tiêu kế hoạch.

*- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt:*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 27,37 ha. Kết quả thực hiện là 27,44 ha; cao hơn so với Kế hoạch 0,07 ha. Do chưa thực hiện công trình, dự án: Đấu giá khu đất ấp 2 (Nghĩa trang cũ).

*- Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá:*

## **Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

Theo Kế hoạch năm 2024 là 645,10 ha. Kết quả thực hiện là 695,10 ha; cao hơn so với Kế hoạch 50,00 ha. Do chưa thực hiện công trình, dự án: Cho thuê đất nuôi trồng thủy sản.

- *Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối:*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 412,22 ha. Kết quả thực hiện là 412,22 ha; không thay đổi so với chỉ tiêu kế hoạch.

- *Đất phi nông nghiệp khác*

Theo Kế hoạch năm 2024 là 9,08 ha. Kết quả thực hiện là 7,61 ha; theo kết quả công tác Thống kê đất đai năm 2023 trên địa bàn huyện.

### **2.1.3. Nhóm đất chưa sử dụng**

Năm 2024, diện tích nhóm đất chưa sử dụng huyện Bù Đốp không còn.

## **2.2. Kết quả thực hiện thu hồi đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024**

### **2.2.1. Đất nông nghiệp**

Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi là 58,25 ha. Tổng diện tích thu hồi được trong năm 2024 là 0,00 ha, chưa đạt kế hoạch đã đề ra.

**Bảng 2.12.** Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch thu hồi đất nông nghiệp  
năm 2024

*Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch thu hồi đất năm 2024	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>58,25</b>	-	-
1.1	Đất lúa nước	LUA	9,84	-	-
	<i>Trong đó: - Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	-	-	-
	<i>- Đất trồng lúa còn lại</i>	<i>LUK</i>	9,84	-	-
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	-	-	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	36,09	-	-
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2,69	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	9,63	-	-
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	-	-	-

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch thu hồi đất năm 2024	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ (%)
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	-	-	-
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	-	-

**2.2.2. Đất phi nông nghiệp**

Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích đất phi nông nghiệp cần thu hồi là 5,20 ha. Kết quả thực hiện thu hồi được 0,00 ha, chưa đạt kế hoạch đã đề ra.

**Bảng 2.13.** Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch thu hồi đất phi nông nghiệp năm 2024

*Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch thu hồi đất năm 2024	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ (%)
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>5,20</b>	-	-
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	2,34	-	-
2.2	Đất an ninh	CAN	-	-	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,13	-	-
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,19	-	-
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	-	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,28	-	-
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	-	-	-
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	-	-	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	2,08	-	-
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,08	-	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,10	-	-
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	-	-	-

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch thu hồi đất năm 2024	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ (%)
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	-	-	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	-	-	-
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	-	-	-
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-

**2.3. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024**

Chỉ tiêu kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt là 138,43 ha, kết quả đã thực hiện là 3,07 ha, đạt 2,22%.

Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp theo kế hoạch đã được phê duyệt là 21,60. Chưa thực hiện được theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở trong phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 1,40 ha, chưa thực hiện được theo đúng chỉ tiêu được duyệt.

**Bảng 2.14. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch chuyển mục đích năm 2024***Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch chuyển mục đích năm 2024	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ (%)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>138,43</b>	<b>3,07</b>	<b>2,22</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	19,00	-	-
	<i>Đất trồng lúa còn lại</i>	<i>LUK/PNN</i>	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK/PNN	-	-	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	106,01	3,07	2,90
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	2,69	-	-
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	10,37	-	-
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	-	-	-



**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch chuyển mục đích năm 2024	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ (%)
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	-	-	-
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	-	-	-
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>		<b>21,60</b>	-	-
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	1,60	-	-
2.2	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)	20,00	-	-
<b>3</b>	<b>Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở</b>	<b>PKO/OCT</b>	<b>1,40</b>	-	-

**2.4. Kết quả thực hiện các công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Bù Đốp****2.4.1. Các công trình, dự án đã thực hiện**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Bù Đốp được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2024.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Bù Đốp được duyệt gồm có 77 công trình dự án, kết quả thực hiện KHSDD đến nay là 09/77 công trình, đạt 11,69% kế hoạch đề ra. *(02 công trình chuyển mục đích thực hiện các trang trại chăn nuôi, 07 công trình chuyển mục đích thực hiện chuyển mục đích đất ở cho HGD cá nhân trên địa bàn huyện).*

**Bảng 2.15.** Danh mục công trình, dự án đã thực hiện trong năm 2024*Đơn vị: ha*

TT	Tên dự án	Loại đất	Diện tích	Địa điểm thực hiện
1	Công ty TNHH Trang Trại chăn nuôi Ánh Dương	NKH, PNK	10,50	Phước Thiện
2	Công ty TNHH MTV chăn nuôi Lộc Bình	NKH, PNK	10,60	Phước Thiện
3	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở TT.Thanh Bình	ODT	0,58	Thanh Bình
4	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Tân Tiến	ONT	0,53	Tân Tiến

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

TT	Tên dự án	Loại đất	Diện tích	Địa điểm thực hiện
5	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Tân Thành	ONT	0,22	Tân Thành
6	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Thanh Hoà	ONT	0,59	Thanh Hòa
7	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Thiện Hưng	ONT	0,77	Thiện Hưng
8	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Hưng Phước	ONT	0,23	Hưng Phước
9	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Phước Thiện	ONT	0,15	Phước Thiện

**2.4.2. Các công trình, dự án chưa thực hiện****Bảng 2.16.** Các công trình, dự án chưa thực hiện trong KHSDĐ năm 2024

TT	Công trình	Loại đất QH	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Căn cứ hậu cần kỹ thuật (Vùng lõi ccHC-KT huyện)	CQP	21,78	Thanh Hòa
2	Xây dựng công trình quốc phòng SB-2021 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Phước	CQP	0,72	Thiện Hưng
3	Trụ sở công an xã	CAN	0,14	Tân Tiến
4	Trụ sở công an xã	CAN	0,25	Hưng Phước
5	Trụ sở công an xã	CAN	0,22	Phước Thiện
6	Trụ sở công an xã	CAN	0,18	Tân Thành
7	Trụ sở công an xã	CAN	0,28	Thanh Hòa
8	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 759B (từ đồn biên phòng 789 đi sông măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu)	DGT	4,63	Hưng Phước; Phước Thiện
9	Xây dựng đường vành đai từ đường Lê Duẩn (ĐT 759) đi Thiện Hưng	DGT	2,70	Thanh Bình
10	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ ĐT 759B đi ấp 4 Hưng Phước (khu tái định cư đập thủy lợi Bù Tam) ra đường tuần tra biên giới, huyện Bù Đốp	DGT	0,68	Hưng Phước
11	Xây dựng đường giao thông từ trung tâm Thanh Hòa đi cầu Bình Thắng kết nối với huyện Bù Gia Mập	DGT	3,00	Thanh Hòa
12	Nâng cấp đường ĐT 759B đoạn từ chợ Tân Thành đi cửa khẩu Cầu Tráng (giai đoạn 2)	DGT	2,20	Tân Thành
13	Xây dựng đường điện cho khu dân cư liền kề	DGT	0,42	Hưng Phước

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

TT	Công trình	Loại đất QH	Diện tích (ha)	Địa điểm
	Đồn Biên phòng Bù Đốp tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp			
14	Nâng cấp láng nhựa đường từ đường ĐT 759B đi rừng đầu nguồn Phước Thiện, Bù Đốp	DGT	3,04	Phước Thiện
15	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ tổ 6 thôn 1 đi tổ 6 thôn 7, xã Thiện Hưng	DGT	0,60	Thiện Hưng
16	Xây dựng đường vào các Đồn Biên phòng Đắc Ô - huyện Bù Gia Mập, xã Phước Thiện - huyện Bù Đốp, xã Lộc An, xã Lộc Thiện - huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới	DGT	8,33	Phước Thiện
17	Đường giao thông nông thôn Cây Xoài, ấp Bù Tam đi đường tuần tra biên giới Hưng Phước	DGT	0,35	Hưng Phước
18	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước (ADB9) (tên cũ: Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu - Thành phần tỉnh Bình Phước (ADB9))	DTL	15,00	Tân Tiến; Tân Thành; Thanh Hòa; Thanh Bình
19	Đổi chỉ khu	CQP	8,40	Thiện Hưng
20	Công trình Hồ chứa nước Bù Tam thuộc Dự án Cụm công trình thủy lợi vùng cao biên giới tỉnh Bình Phước (tên cũ: Hồ chứa nước Bù Tam)	DTL	8,36	Hưng Phước
21	Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng sang đất trồng cây lâu năm	CLN	5,00	Tân Tiến
22	Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng sang đất trồng cây lâu năm	CLN	5,00	Tân Thành
23	Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng sang đất trồng cây lâu năm	CLN	5,00	Thanh Hòa
24	Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng sang đất trồng cây lâu năm	CLN	0,10	Phước Thiện
25	Xây dựng trạm y tế xã Thanh Hòa	DYT	0,43	Thanh Hòa
26	Xây dựng trạm y tế xã Tân Thành	DYT	0,27	Tân Thành
27	Nhà xưởng và công trình phụ trợ phục vụ dự án "Sản xuất, chế biến và kinh doanh sản	PNK	0,37	Thiện Hưng

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

TT	Công trình	Loại đất QH	Diện tích (ha)	Địa điểm
	phẩm từ chuỗi tại Bù Đốp"			
28	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất TMDV xã Hưng Phước	TMD	1,50	Hưng Phước
29	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất TMDV xã Phước Thiện	TMD	1,75	Phước Thiện
30	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất TMDV xã Tân Thành	TMD	1,75	Tân Thành
31	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất TMDV xã Tân Tiến	TMD	1,75	Tân Tiến
32	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất TMDV xã Thanh Bình	TMD	1,75	Thanh Bình
33	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất TMDV xã Thanh Hòa	TMD	1,75	Thanh Hòa
34	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất TMDV xã Thiện Hưng	TMD	1,75	Thiện Hưng
35	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất sản xuất phi nông nghiệp xã Hưng Phước	SKC	1,50	Hưng Phước
36	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất sản xuất phi nông nghiệp xã Phước Thiện	SKC	1,50	Phước Thiện
37	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất sản xuất phi nông nghiệp xã Tân Thành	SKC	2,00	Tân Thành
38	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất sản xuất phi nông nghiệp xã Tân Tiến	SKC	1,50	Tân Tiến
39	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất sản xuất phi nông nghiệp xã Thanh Hòa	SKC	1,50	Thanh Hòa
40	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất sản xuất phi nông nghiệp TT Thanh Bình	SKC	1,50	Thanh Bình
41	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất sản xuất phi nông nghiệp xã Thiện Hưng	SKC	1,50	Thiện Hưng
42	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở TT.Thanh Bình	ODT	12,36	Thanh Bình
43	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Tân Tiến	ONT	3,47	Tân Tiến
44	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Tân Thành	ONT	3,78	Tân Thành
45	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Thanh Hoà	ONT	3,41	Thanh Hòa

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

TT	Công trình	Loại đất QH	Diện tích (ha)	Địa điểm
46	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Thiện Hưng	ONT	3,23	Thiện Hưng
47	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Hưng Phước	ONT	3,77	Hưng Phước
48	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Phước Thiện	ONT	3,85	Phước Thiện
49	Giao đất có thu tiền sử dụng đất khu đất đường Hùng Vương	ODT	0,01	Thanh Bình
50	Giao đất có thu tiền sử dụng đất khu đất đường Nguyễn Chí Thanh	ODT	0,02	Thanh Bình
51	Giao đất có thu tiền sử dụng đất khu đất đường Phạm Ngọc Thạch	ODT	0,01	Thanh Bình
52	Giao đất có thu tiền sử dụng đất khu đất đường Chu Văn An	ODT	0,01	Thanh Bình
53	Trường mẫu giáo Thanh Hòa	DGD	0,57	Thanh Hòa
54	Trường Tiểu học và THCS Phước Thiện	DGD	1,83	Phước Thiện
55	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Bù Đốp	TSC	0,15	Thanh Bình
56	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	TSC	0,27	Thanh Bình
57	Đầu giá khu đất đường Hùng Vương	ODT	0,02	Thanh Bình
58	Đầu giá khu đất đường Nguyễn Chí Thanh	ODT	0,09	Thanh Bình
59	Đầu giá khu đất đường Quy hoạch (bệnh viện cũ)	ODT	0,08	Thanh Bình
60	Điểm áp Thanh Sơn Trường tiểu học Thanh Bình B (Điểm lẻ Trường MG Thanh Bình cũ).	ODT	0,11	Thanh Bình
61	Điểm Trường Trung Thủy- Trường Tiểu học Thanh Bình B	ODT	0,13	Thanh Bình
62	Khu đất Tái định cư TT Thanh Bình	ODT	1,07	Thanh Bình
63	Khu đất đường Nguyễn Lương Bằng	ODT	0,09	Thanh Bình
64	Khu đất đường 7/4 thị trấn Thanh Bình (Trường MG Thanh Bình cũ)	ODT	0,31	Thanh Bình
65	Khu đất đường Quy Hoạch (Trường tiểu học Thanh Bình A)	ODT	0,06	Thanh Bình

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

TT	Công trình	Loại đất QH	Diện tích (ha)	Địa điểm
66	Đấu giá khu đất ấp 6 (Mỹ Lệ cũ)	ONT	0,05	Thanh Hòa
67	Đấu giá khu đất ấp Tân Hội (giáp ranh nhà văn hoá ấp)	ONT	1,06	Tân Thành
68	Đấu giá khu đất đường Liên doanh ấp Tân Hội	ONT	0,11	Tân Thành
69	Khu đất điểm lẻ Trường TH ấp Tân Lập	ONT	0,19	Tân Thành
70	Khu đất ấp Tân Hiệp	ONT	0,19	Tân Thành
71	Đấu giá khu vực rừng gen Tân Tiến	ONT	3,30	Tân Tiến
72	Đấu giá trường THCS Hưng Phước	ONT	0,48	Hưng Phước
73	Đấu giá khu đất ấp 2 (Nghĩa trang cũ)	ONT	0,07	Thiện Hưng
74	Đấu giá khu đất đường ĐT759B	ONT	0,61	Thiện Hưng
75	Cho thuê đất nuôi trồng thủy sản	NTS	50,00	Tân Thành

**2.5. Đánh giá những mặt được, tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước****2.5.1. Đánh giá những mặt được**

Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện Bù Đốp đã đạt được kết quả nhất định. Nhìn chung việc chuyển mục đích sử dụng đất đều bám sát vào chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Thông qua kế hoạch sử dụng đất được duyệt, công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện ngày càng chặt chẽ và có hiệu quả thể hiện ở các mặt sau:

(1). Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Bù Đốp được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt đã tạo cơ sở pháp lý cho huyện trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đặc biệt là công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

(2). Đảm bảo được tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai từ cấp huyện đến cấp xã, thị trấn.

(3). Làm cơ sở pháp lý quan trọng cho việc giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất.

(4). Chủ động dành quỹ đất để phát triển các ngành, lĩnh vực đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội; các cơ sở sản xuất kinh doanh và khu dân cư góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh quốc phòng.

(5). Đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

### **2.5.2. Đánh giá những tồn tại**

- Một số chỉ tiêu như: đất quốc phòng, đất an ninh, đất thương mại dịch vụ, đất giao thông, đất thủy lợi... đạt thấp. Việc sử dụng đất của một số dự án đã được giao đất, cho thuê đất còn thấp.

- Cơ sở để xây dựng kế hoạch sử dụng đất hằng năm ở một số xã trong huyện còn thiếu căn cứ, chưa bám sát vào tình hình thực tế, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội chung của huyện và địa phương.

- Trình độ dân trí chưa đồng đều nên nhận thức về kế hoạch sử dụng đất còn hạn chế, việc tự động chuyển đổi quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng đất, việc lấn chiếm đất đai đôi khi vẫn còn xảy ra.

- Hầu hết các địa phương thiếu nguồn vốn để thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện các dự án có nhu cầu sử dụng đất và không có năng lực tài chính để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, làm cho kế hoạch sử dụng đất chậm tiến độ hoặc không thực hiện được.

- Nhiều người dân chưa hiểu biết, không nắm rõ các quy định của Nhà nước như: thủ tục, trình tự giao đất, thu hồi đất, quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất nên đã gây khó khăn cho công tác giải phóng mặt bằng, thu hồi đất.

### **2.5.3. Nguyên nhân tồn tại trong thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm trước**

- Công tác tuyên truyền phổ biến các văn bản dưới Luật ở các địa phương còn nhiều tồn tại, hạn chế dẫn tới các đối tượng sử dụng đất, nhất là hộ gia đình sản xuất nông nghiệp hiểu biết pháp luật đất đai chưa rõ; đồng thời một bộ phận các bộ địa phương, nhất là ở cấp cơ sở chưa nhận thức rõ tác động của Kế hoạch sử dụng đất hằng năm đến quyền lợi của người sử dụng đất, nên không kịp vận dụng các văn bản quy phạm pháp luật để tháo gỡ các khó khăn vướng mắc cho người sử dụng đất khi có đất nằm trong Kế hoạch sử dụng đất hằng năm.

- Về kinh phí thực hiện các công trình, dự án còn khó khăn nên tiến độ thực hiện các dự án Kế hoạch sử dụng đất trong thời gian qua còn chậm. Bên cạnh đó, do

### **Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

thiếu vốn ngân sách ở địa phương phục vụ công tác bồi thường, giải tỏa nên phương án xây dựng của các dự án không thực hiện đúng theo kế hoạch.

- Các quy định và thủ tục quản lý nhà nước chưa hoàn chỉnh, bất cập và thiếu ổn định lâu dài gây nhiều khó khăn ách tắc cho các nhà đầu tư dẫn đến Kế hoạch sử dụng đất bị chậm tiến độ.

- Trong quá trình thực hiện Kế hoạch sử dụng đất tại các xã, thị trấn đều thiếu kinh phí và thiếu cán bộ chuyên môn thực hiện nên việc quản lý và thực hiện Kế hoạch sử dụng đất chậm hơn so với yêu cầu thực tiễn.

- Một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hằng năm nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất đai nên phải lùi tiến độ thực hiện.

- Việc điều tra, xây dựng giá đất bồi thường đối với từng dự án mất nhiều thời gian, dẫn đến việc chậm tiến độ thực hiện dự án.

- Công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng ở một số địa phương gặp nhiều khó khăn làm chậm tiến độ xây dựng... Chính vì vậy kết quả thực hiện đất phi nông nghiệp đạt được còn thấp so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra.



**PHẦN III**

**LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025**

Trên cơ sở phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, thực trạng phát triển kinh tế xã hội; hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện Bù Đốp; đồng thời, căn cứ vào mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế xã hội của huyện Bù Đốp năm 2025, Ủy ban nhân dân huyện Bù Đốp đã xây dựng Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 nhằm đáp ứng nhu cầu về đất đai để phát triển các ngành kinh tế, đạt hiệu quả đồng bộ cả 03 lợi ích: Kinh tế, xã hội và môi trường dựa trên quan điểm sử dụng đất tiết kiệm, khoa học, hợp lý và có hiệu quả cao nhất.

**I. XÁC ĐỊNH CÁC CHỈ TIÊU TRONG KỲ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

**1.1. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã**

**1.1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ đến năm 2025**

Căn cứ Công văn số 818/STNMT-CCQLĐĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh đến năm 2025 tạm thời, diện tích các loại đất được phân bổ trong kế hoạch sử dụng đất cấp huyện trên địa bàn huyện Bù Đốp đến năm 2025 như sau:

**Bảng 3.17.** Diện tích các loại đất đến năm 2025 được phân bổ trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh trên địa bàn huyện

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích KH2025*
(1)	(2)	(3)	(4)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>38.009</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>33.433</b>
	<i>Trong đó</i>		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.407
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	19.031
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	7.729
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	3.445
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>1.639</i>

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích KH2025*
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>4.576</b>
	<i>Trong đó</i>		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	223
2.2	Đất an ninh	CAN	9
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	25
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	82
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	9
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.559
	<i>Trong đó</i>		
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	763
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	196
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	9
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	8
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	42
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	24
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	1.465
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	1
-	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	<i>DKG</i>	
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	1
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	7
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	7
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	29
2.9	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	360
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	80

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích KH2025*
(1)	(2)	(3)	(4)
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	33
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	12
2.14	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	

Ghi chú:\* Diện tích Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025 cấp tỉnh phân bổ tạm thời cho huyện Bù Đốp theo công văn số 818/STNMT-CCQLĐĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024.

**2.1.2. Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Bù Đốp**

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bù Đốp được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 27 tháng 07 năm 2022. Theo đó:

- + Diện tích đất nông nghiệp đến năm 2030 là 26.716,31 ha;
- + Diện tích đất phi nông nghiệp đến năm 2030 là 11.292,15 ha;
- + Đến năm 2030 diện tích đất chưa sử dụng trên địa bàn huyện không còn.

Căn cứ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bù Đốp được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 27 tháng 07 năm 2022, đồng thời thực hiện công văn số 818/STNMT-CCQLĐĐ của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh đến năm 2025 tạm thời, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Bù Đốp được cân đối dựa trên nhu cầu của các ngành, các lĩnh vực; các công trình dự án đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 chưa thực hiện được rà soát, có tính khả thi thực hiện sẽ chuyển tiếp qua thực hiện năm 2025 và công trình đề xuất mới năm 2025 trên cơ sở các danh mục công trình dự án của Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bù Đốp đã được duyệt, cân đối với chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 cấp tỉnh.

**2.2. Xác định diện tích các loại đất do cấp huyện xác định và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã****2.2.1. Các công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất 2024 hủy bỏ, không tiếp tục thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025**

Qua rà soát, có 21 công trình, dự án hủy bỏ, không tiếp tục thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025. Cụ thể:

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước****Bảng 3.18.** Các công trình, dự án hủy bỏ, không tiếp tục thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025

TT	Công trình	Loại đất QH	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
1	Xây dựng đường vành đai từ đường Lê Duẩn (ĐT 759) đi Thiện Hưng	DGT	2,70	Thanh Bình	Không có trong Nghị quyết số 44/NQ-HĐND; Không phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của huyện
2	Xây dựng đường giao thông từ trung tâm Thanh Hòa đi cầu Bình Thắng kết nối với huyện Bù Gia Mập	DGT	3,00	Thanh Hòa	Không có trong Nghị quyết số 44/NQ-HĐND; Không phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của huyện
3	Nâng cấp đường ĐT 759B đoạn từ chợ Tân Thành đi cửa khẩu Cầu Trắng (giai đoạn 2)	DGT	2,20	Tân Thành	Không có trong Nghị quyết số 44/NQ-HĐND; Không phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của huyện
4	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ tổ 6 thôn 1 đi tổ 6 thôn 7, xã Thiện Hưng	DGT	0,60	Thiện Hưng	Không có trong Nghị quyết số 44/NQ-HĐND; Không phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của huyện
5	Đường giao thông nông thôn Cây Xoài, ấp Bù Tam đi đường tuần tra biên giới Hưng Phước	DGT	0,35	Hưng Phước	Không có trong Nghị quyết số 44/NQ-HĐND; Không phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của huyện
6	Đồi chi khu	CQP	8,40	Thiện Hưng	Không phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của huyện
7	Đấu giá khu đất đường Hùng Vương	ODT	0,02	Thanh Bình	Không phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của huyện

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

TT	Công trình	Loại đất QH	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
8	Đầu giá khu đất đường Nguyễn Chí Thanh	ODT	0,09	Thanh Bình	Không phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của huyện
9	Đầu giá khu đất đường Quy hoạch (bệnh viện cũ)	ODT	0,08	Thanh Bình	Không phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của huyện
10	Điểm ấp Thanh Sơn Trường tiểu học Thanh Bình B (Điểm lẻ Trường MG Thanh Bình cũ).	ODT	0,11	Thanh Bình	Không phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của huyện
11	Điểm Trường Trung Thủy-Trường Tiểu học Thanh Bình B	ODT	0,13	Thanh Bình	Không phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của huyện
12	Khu đất đường 7/4 thị trấn Thanh Bình (Trường MG Thanh Bình cũ)	ODT	0,31	Thanh Bình	Không phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của huyện
13	Đầu giá khu đất ấp 6 (Mỹ Lệ cũ)	ONT	0,05	Thanh Hòa	Không phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của huyện
14	Đầu giá khu đất ấp Tân Hội (giáp ranh nhà văn hoá ấp)	ONT	1,06	Tân Thành	Không phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của huyện
15	Đầu giá khu đất đường Liên doanh ấp Tân Hội	ONT	0,11	Tân Thành	Không phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của huyện
16	Khu đất điểm lẻ Trường TH ấp Tân Lập	ONT	0,19	Tân Thành	Không phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của huyện
17	Khu đất ấp Tân Hiệp	ONT	0,19	Tân Thành	Không phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của huyện
18	Đầu giá khu vực rừng gen Tân Tiến	ONT	3,30	Tân Tiến	Không phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của huyện
19	Đầu giá trường THCS Hưng Phước	ONT	0,48	Hưng Phước	Không phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của huyện

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

TT	Công trình	Loại đất QH	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
20	Đấu giá khu đất ấp 2 (Nghĩa trang cũ)	ONT	0,07	Thiện Hưng	Không phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của huyện
21	Đấu giá khu đất đường ĐT759B	ONT	0,61	Thiện Hưng	Không phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của huyện

**2.2.2. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm trước chưa thực hiện hết nhưng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện**

Trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 27 tháng 07 năm 2022. UBND huyện Bù Đốp đã tổ chức triển khai thực hiện theo kế hoạch được duyệt, tuy nhiên do thời gian triển khai thực hiện ngắn, hiện còn nhiều dự án chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa hoàn thành, nhưng vẫn còn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025, đăng ký tiếp tục chuyển sang thực hiện thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất là 53 công trình, dự án và 09 dự án mới trong năm 2025. Tổng số dự án đăng ký thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 62 dự án với tổng diện tích tăng thêm từ các dự án là 512,15 ha.

Đối với chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp năm 2024 được phê duyệt là 138,43 ha.

Tuy nhiên kết quả thực hiện tính đến 31/12/2024 chỉ đạt 3,07 ha, trên cơ sở xem xét tính khả thi của từng nội dung đăng ký và phù hợp với quy hoạch phân khu được phê duyệt, các chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết đề xuất được chuyển tiếp sang năm 2025.

**2.2.3. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân**

Tổng số dự án thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 63 công trình dự án, trong đó có 53 công trình dự án chuyển tiếp từ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, cụ thể như sau:

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước****Bảng 3.19.** Tổng hợp các dự án chuyển tiếp từ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 sang thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025

STT	Hạng mục công trình, dự án	Diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện năm 2025 (ha)	Loại đất theo KHSDĐ	Địa điểm đến cấp xã	Ghi chú
1	Căn cứ hậu cần kỹ thuật (Vùng lõi ccHC-KT huyện)	21,78	21,78	CQP	Thanh Hòa	
2	Xây dựng công trình quốc phòng SB-2021 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Phước	0,24	0,24	CQP	Thiện Hưng	
3	Trụ sở công an xã	0,14	0,14	CAN	Tân Tiến	
4	Trụ sở công an xã	0,22	0,22	CAN	Phước Thiện	
5	Trụ sở công an xã	0,18	0,18	CAN	Tân Thành	
6	Trụ sở công an xã	0,28	0,28	CAN	Thanh Hòa	
7	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 759B (từ đồn biên phòng 789 đi sông măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu)	4,63	4,63	DGT	Hung Phước; Phước Thiện	
8	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ ĐT 759B đi ấp 4 Hưng Phước (khu tái định cư đập thủy lợi Bù Tam) ra đường tuần tra biên giới, huyện Bù Đốp	0,68	0,68	DGT	Hung Phước	
9	Xây dựng đường điện cho khu dân cư liền kề Đồn Biên phòng Bù Đốp tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp	0,42	0,42	DGT	Hung Phước	
10	Nâng cấp láng nhựa đường từ đường ĐT 759B đi rừng đầu nguồn Phước Thiện, Bù Đốp	3,04	3,04	DGT	Phước Thiện	
11	Xây dựng đường vào các Đồn Biên phòng Đắc O - huyện Bù Gia Mập, xã	8,33	8,33	DGT	Phước Thiện	

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

STT	Hạng mục công trình, dự án	Diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện năm 2025 (ha)	Loại đất theo KHSDĐ	Địa điểm đến cấp xã	Ghi chú
	Phước Thiện - huyện Bù Đốp, xã Lộc An, xã Lộc Thiện - huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới					
12	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước (ADB9)(tên cũ: Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu - Thành phần tỉnh Bình Phước (ADB9))	15,00	15,00	DTL	Tân Tiến; Tân Thành; Thanh Hòa; Thanh Bình	
13	Công trình Hồ chứa nước Bù Tam thuộc Dự án Cụm công trình thủy lợi vùng cao biên giới tỉnh Bình Phước (tên cũ: Hồ chứa nước Bù Tam)	8,36	8,36	DTL	Hung Phước	
14	Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng sang đất trồng cây lâu năm	5,00	5,00	CLN	Tân Tiến	
15	Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng sang đất trồng cây lâu năm	5,00	5,00	CLN	Tân Thành	
16	Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng sang đất trồng cây lâu năm	5,00	5,00	CLN	Thanh Hòa	
17	Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng sang đất trồng cây lâu năm	0,10	0,10	CLN	Phước Thiện	
18	Xây dựng trạm y tế xã Thanh Hòa	0,43	0,43	DYT	Thanh Hòa	
19	Xây dựng trạm y tế xã Tân Thành	0,27	0,27	DYT	Tân Thành	



**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

STT	Hạng mục công trình, dự án	Diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện năm 2025 (ha)	Loại đất theo KHSDD	Địa điểm đến cấp xã	Ghi chú
20	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất TMDV xã Hưng Phước	1,75	1,75	TMD	Hưng Phước	
21	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất TMDV xã Phước Thiện	1,75	1,75	TMD	Phước Thiện	
22	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất TMDV xã Tân Thành	1,75	1,75	TMD	Tân Thành	
23	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất TMDV xã Tân Tiến	1,75	1,75	TMD	Tân Tiến	
24	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất TMDV xã Thanh Bình	2,38	2,38	TMD	Thanh Bình	
25	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất TMDV xã Thanh Hòa	1,54	1,54	TMD	Thanh Hòa	
26	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất TMDV xã Thiện Hưng	2,25	2,25	TMD	Thiện Hưng	
27	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất sản xuất phi nông nghiệp xã Hưng Phước	1,50	1,50	SKC	Hưng Phước	
28	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất sản xuất phi nông nghiệp xã Phước Thiện	1,50	1,50	SKC	Phước Thiện	
29	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất sản xuất phi nông nghiệp xã Tân Thành	2,00	2,00	SKC	Tân Thành	
30	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất sản xuất phi nông nghiệp xã Tân Tiến	1,50	1,50	SKC	Tân Tiến	

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

STT	Hạng mục công trình, dự án	Diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện năm 2025 (ha)	Loại đất theo KHSDD	Địa điểm đến cấp xã	Ghi chú
31	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất sản xuất phi nông nghiệp xã Thanh Hòa	1,52	1,52	SKC	Thanh Hòa	
32	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất sản xuất phi nông nghiệp TT Thanh Bình	1,50	1,50	SKC	Thanh Bình	
33	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất sản xuất phi nông nghiệp xã Thiện Hưng	1,50	1,50	SKC	Thiện Hưng	
34	Nhà xưởng và công trình phụ trợ phục vụ dự án "Sản xuất, chế biến và kinh doanh sản phẩm từ chuỗi tại Bù Đốp"	0,37	0,37	SKC	Thiện Hưng	
35	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở TT Thanh Bình	17,76	17,76	ODT	Thanh Bình	
36	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Tân Tiến	4,27	4,27	ONT	Tân Tiến	
37	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Tân Thành	3,27	3,27	ONT	Tân Thành	
38	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Thanh Hoà	5,27	5,27	ONT	Thanh Hòa	
39	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Thiện Hưng	4,27	4,27	ONT	Thiện Hưng	
40	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Hưng Phước	2,83	2,83	ONT	Hưng Phước	
41	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Phước Thiện	3,27	3,27	ONT	Phước Thiện	
42	Giao đất có thu tiền sử dụng đất khu đất đường Nguyễn Huệ - Hùng Vương	0,01	0,01	ODT	Thanh Bình	
43	Giao đất có thu tiền sử dụng đất khu đất đường Nguyễn	0,02	0,02	ODT	Thanh Bình	

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

STT	Hạng mục công trình, dự án	Diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện năm 2025 (ha)	Loại đất theo KHSDD	Địa điểm đến cấp xã	Ghi chú
	Chí Thanh					
44	Giao đất có thu tiền sử dụng đất khu đất đường Phạm Ngọc Thạch	0,01	0,01	ODT	Thanh Bình	
45	Giao đất có thu tiền sử dụng đất khu đất đường Chu Văn An	0,01	0,01	ODT	Thanh Bình	
46	Trường mẫu giáo Thanh Hòa	0,57	0,57	DGD	Thanh Hòa	
47	Trường Tiểu học và THCS Phước Thiện	1,83	1,83	DGD	Phước Thiện	
48	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Bù Đốp	0,15	0,15	TSC	Thanh Bình	
49	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	0,27	0,27	TSC	Thanh Bình	
50	Khu đất Tái định cư Cần Đơn TT Thanh Bình	1,07	1,07	ODT	Thanh Bình	
51	Khu đất đường Nguyễn Lương Bằng	0,09	0,09	ODT	Thanh Bình	
52	Khu đất đường Quy Hoạch (Trường tiểu học Thanh Bình A)	0,06	0,06	ODT	Thanh Bình	
53	Cho thuê đất nuôi trồng thủy sản (Khu đất bầu Cầu Trắng, xã Tân Thành)	41,03	41,03	NTS	Tân Thành	

**a. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức**

Tổng số dự án thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 63 công trình. (Cụ thể danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2025 huyện Bù Đốp - Xem Biểu 25/CH kèm theo Báo cáo thuyết minh tổng hợp).

Trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất đăng ký các dự án của các ngành, các xã, thị trấn trên địa bàn huyện, kết quả tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức đăng ký mới trong năm 2025 là 10 công trình dự án với tổng diện tích là 322,43 ha. Danh mục

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

các công trình dự án đăng ký mới trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 được trình bày trong bảng sau:

**Bảng 3.20. Danh mục công trình dự án đăng ký mới KHSDĐ năm 2025**

TT	Tên công trình, dự án	Loại đất	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Trụ sở công an xã	CAN	0,25	Hưng Phước
2	Trụ sở công an xã	CAN	0,23	Thiện Hưng
3	Trụ sở công an thị trấn	CAN	0,16	Thanh Bình
4	Khu đất tại tổ 5, KP Thanh Xuân, TT Thanh Bình, Bù Đốp, Bình Phước	ODT	0,22	Thanh Bình
5	Đấu giá khu đất đường Liên doanh và đường nhựa thuộc ấp Tân Hội, xã Tân Thành	ONT	0,09	Tân Thành
6	Đấu giá khu đất đường ĐT759B thuộc tổ 6, thôn 2 Thiện Hưng	ONT	0,07	Thiện Hưng
7	Đấu giá khu đất đường ĐT759B thuộc tổ 2 thôn 3 Thiện Hưng	ONT	1,34	Thiện Hưng
8	Đấu giá khu đất đường ĐT759B thuộc tổ 1 thôn 3 Thiện Hưng	ONT	0,05	Thiện Hưng
9	Dự án trồng cây ăn trái chất lượng cao của công ty TNHH Nông nghiệp Hữu cơ Bình Phước	CLN	319,81	Phước Thiện
10	Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu Nhật Huy BP	TMD	0,21	Thanh Hòa

***b. Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân***

Để Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Bù Đốp đảm bảo tính thống nhất và phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trong năm tới của cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã, quá trình triển khai thực hiện có sự phối hợp, rà soát bổ sung, cân đối nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn huyện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

***- Đất trồng cây lâu năm***

## **Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

Theo kết quả đăng ký Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2025 thực hiện chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm là 1,60 ha

Tuy nhiên, UBND huyện đề nghị đối với các hồ sơ đăng ký chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm chỉ được phép chuyển mục đích tại những vị trí đảm bảo phù hợp trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và đưa vào danh mục các khu vực đăng ký chuyển mục đích trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, đảm bảo tính đồng bộ với các quy hoạch trên địa bàn.

### **- Đất ở**

Định hướng phát triển khu dân cư và đất ở trên địa bàn huyện Bù Đốp phát triển theo các loại hình quy hoạch đã được duyệt. Hạn chế và đi đến chấm dứt giao đất thổ cư rải rác, phân tán và chưa có quy hoạch, cùng với việc phát triển dân số nên nhu cầu sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân ước tính trong năm 2025 tăng khoảng 23,18 ha đất ở tại nông thôn và 17,76 ha đất ở đô thị.

Hầu hết các khu vực theo quy hoạch sử dụng đất bố trí đất ở và đảm bảo điều kiện hạ tầng đều được đưa vào phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất hằng năm để phục vụ nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở cho hộ gia đình cá nhân.

**Bảng 3.21.** Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở của HGD,CN trong năm 2025

<b>STT</b>	<b>Đơn vị hành chính cấp xã</b>	<b>Diện tích (ha)</b>
1	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở TT.Thanh Bình	17,76
2	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Tân Tiến	4,27
3	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Tân Thành	3,27
4	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Thanh Hoà	5,27
5	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Thiện Hưng	4,27
6	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Hưng Phước	2,83
7	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Phước Thiện	3,27
<b>Tổng cộng</b>		<b>23,18 (ONT); 17,76 (ODT)</b>

## **III. TỔNG HỢP VÀ CÂN ĐỐI CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025**

Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu đăng ký của các ngành, lĩnh vực và ý kiến đóng góp của nhân dân đối với Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, để đáp ứng nhu cầu sử

### **Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

dụng đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, kết quả tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 được dự báo như sau:

Tổng diện tích tự nhiên năm 2025 là 38.008,46 ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp có diện tích là 33.531,34 ha, chiếm 88,22% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất phi nông nghiệp có diện tích là 4.477,12 ha, chiếm 11,78% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất chưa sử dụng không còn.

Tổng hợp các Chỉ tiêu sử dụng đất trong năm kế hoạch 2025 được trình bày cụ thể như sau:

**Bảng 3.22. Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2025**

*Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng 2024	KHSDD năm 2025	KH2025 cấp tỉnh theo CV 818 25/03/24	Tăng (+) /Giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)=(5)-(4)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>38.008,46</b>	<b>38.008,46</b>	<b>38.009</b>	<b>0</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>33.614,98</b>	<b>33.531,34</b>	<b>33.433,00</b>	<b>-83,64</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.506,44	1.487,80	1.407,00	-18,64
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC				
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	1.506,44	1.487,80	1.407,00	-18,64
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	110,07	107,31	-	-2,76
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	18.634,96	18.877,32	19.031,00	242,36
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	7.829,43	7.826,74	7.729,00	-2,69
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	5.114,28	4.784,84	3.445,00	-329,44
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>1.401,16</i>	<i>1.401,16</i>	<i>1.639,00</i>	<i>0,00</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	135,60	163,13	-	27,53
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT				
1.9	Đất làm muối	LMU				
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	284,20	284,20	-	0,00
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>4.393,48</b>	<b>4.477,12</b>	<b>4.576,00</b>	<b>83,64</b>
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	337,90	360,00	360,00	22,10
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	62,20	80,00	80,00	17,80
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	25,84	24,19	33,00	-1,65
2.4	Đất quốc phòng	CQP	157,17	177,45	223,00	20,28
2.5	Đất an ninh	CAN	3,24	4,70	9,00	1,46
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	69,15	69,57	95,00	0,42
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	8,48	8,48	9,00	0,00
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH				

## Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng 2024	KHSDD năm 2025	KH2025 cấp tỉnh theo CV 818 25/03/24	Tăng (+) /Giảm (-)
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,00	4,70	8,00	0,70
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	36,83	36,55	42,00	-0,28
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	8,44	8,44	24,00	0,00
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH				
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT				
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT				
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	11,40	11,40	12,00	0,00
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	198,72	222,80	116,00	24,08
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT				
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	11,75	25,00	25,00	13,25
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	71,17	82,00	82,00	10,83
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	115,80	115,80	9,00	0,00
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	2.390,10	2.430,28	2.433,00	40,18
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	736,96	753,78	763,00	16,82
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	172,42	195,78	196,00	23,36
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT				
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC				
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,19	0,19	1,00	0,00
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	5,53	5,53	7,00	0,00
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1.464,35	1.464,35	1.465,00	0,00
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,89	0,89	1,00	0,00
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	5,73	5,73	-	0,00
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	4,03	4,03	-	0,00
2.9	Đất cơ sở tôn giáo	TON	6,45	6,45	7,00	0,00
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	0,34	0,34	-	0,00
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	27,44	27,44	29,00	0,00
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.107,32	1.066,29	-	-41,03
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	695,10	654,07	-	-41,03
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	412,22	412,22	-	0,00
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	7,61	7,61		0,00
3	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>		<b>0,00</b>

Cần đổi các chỉ tiêu sử dụng đất cho 3 nhóm đất: nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng, phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất theo đơn vị hành chính cấp xã, nêu và luận chứng diện tích đất không thay đổi mục đích sử

## **Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

dụng so với hiện trạng, diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang và chuyển sang các mục đích khác trong năm kế hoạch được trình bày cụ thể như sau:

### **3.1. Chỉ tiêu nhóm đất nông nghiệp**

Hiện trạng diện tích đất nông nghiệp toàn huyện năm 2024 là 33.614,98 ha, chiếm 88,44% DTTN.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 33.433,00 ha.

Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung: cấp huyện cân đối nhu cầu sử dụng đất phù hợp với chỉ tiêu phân bổ.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 dự kiến là 33.531,34 ha, giảm 83,64 ha so với hiện trạng năm 2024, cụ thể chỉ tiêu nhóm đất nông nghiệp dự kiến thực hiện trong năm 2025 như sau:

**Bảng 3.23.** Chỉ tiêu nhóm đất nông nghiệp trong năm KHSDĐ 2025

*Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng 2024	Tổng diện tích năm 2025	Tăng (+)/Giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(8)=(5)-(4)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>38.008,46</b>	<b>38.008,46</b>	<b>0</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>33.614,98</b>	<b>33.531,34</b>	<b>-83,64</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.506,44	1.487,80	-18,64
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC			
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	1.506,44	1.487,80	-18,64
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	110,07	107,31	-2,76
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	18.634,96	18.877,32	242,36
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	7.829,43	7.826,74	-2,69
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	5.114,28	4.784,84	-329,44
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>1.401,16</i>	<i>1.401,16</i>	<i>0,00</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	135,60	163,13	27,53
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT			
1.9	Đất làm muối	LMU			
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	284,20	284,20	0,00

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 33.490,31 ha.

- Diện tích giảm 124,67 ha do chuyển cho các mục đích phi nông nghiệp. Trong đó: chuyển cho đất ở nông thôn 23,18 ha; đất ở đô thị 17,76 ha; đất quốc phòng 22,02 ha; đất an ninh 0,39 ha; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 24,40 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 36,92 ha.



**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

Đến năm 2025, đất nông nghiệp được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

**Bảng 3.24.** Kế hoạch sử dụng đất nhóm đất nông nghiệp năm 2025 theo ĐVHC cấp xã*Đơn vị tính: ha*

TT	ĐVHC	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	1.179,12	1.154,10	-25,02
2	Tân Tiến	3.744,60	3.733,83	-10,77
3	Hưng Phước	4.536,48	4.519,36	-17,12
4	Phước Thiện	12.490,58	12.471,92	-18,66
5	Tân Thành	3.121,93	3.154,08	32,15
6	Thanh Hòa	4.298,26	4.262,67	-35,59
7	Thiện Hưng	4.244,01	4.235,38	-8,63
<b>Tổng cộng</b>		<b>33.614,98</b>	<b>33.531,34</b>	<b>-83,64</b>

Kế hoạch sử dụng các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp năm 2025 như sau:

**3.1.1. Đất trồng lúa**

Hiện trạng năm 2024 diện tích toàn huyện là 1.506,44 ha.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 1.407,0 ha.

Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung: cấp huyện cân đối nhu cầu sử dụng đất đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu được phân bổ.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 1.487,80 ha, giảm 18,64 ha so với hiện trạng năm 2024 do chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm 1,60 ha; đất ở nông thôn 0,6 ha; đất ở đô thị 0,2 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 16,24 ha.

**Bảng 3.25.** Kế hoạch sử dụng đất trồng lúa năm 2025 theo ĐVHC cấp xã*Đơn vị tính: ha*

TT	ĐVHC	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	186,33	183,27	-3,06
2	Tân Tiến	313,19	311,39	-1,80
3	Hưng Phước	265,14	256,68	-8,46
4	Phước Thiện	53,80	53,60	-0,20
5	Tân Thành	197,17	196,03	-1,14
6	Thanh Hòa	296,43	292,55	-3,88
7	Thiện Hưng	194,38	194,28	-0,10
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.506,44</b>	<b>1.487,80</b>	<b>-18,64</b>

## **Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

### **3.1.2. Đất trồng cây hằng năm khác**

Hiện trạng năm 2024 diện tích toàn huyện là 110,07 ha, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 diện tích là 107,31 ha, giảm 2,76 ha so với hiện trạng năm 2024 do chuyển sang đất ở nông thôn 1,20 ha, đất ở đô thị 1,56 ha.

**Bảng 3.26.** Kế hoạch sử dụng đất trồng cây hằng năm khác  
năm 2025 theo ĐVHC cấp xã

*Đơn vị tính: ha*

TT	ĐVHC	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	19,01	17,45	-1,56
2	Tân Tiến	12,66	12,56	-0,10
3	Hưng Phước			
4	Phước Thiện	1,38	1,38	-
5	Tân Thành	15,76	15,66	-0,10
6	Thanh Hòa	56,40	55,40	-1,00
7	Thiện Hưng	4,86	4,86	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>110,07</b>	<b>107,31</b>	<b>-2,76</b>

### **3.1.3. Đất trồng cây lâu năm**

Hiện trạng năm 2024 toàn huyện là 18.634,96 ha đất trồng cây lâu năm.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 19.031,00 ha.

Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung: huyện xác định bổ sung thêm 153,68 ha.

Diện tích đất trồng cây lâu năm trong năm Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 18.877,32 ha; tăng 242,36 ha so với hiện trạng năm 2024, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 18.542,41 ha.

- Chu chuyển giảm 92,55 ha, do chuyển sang đất ở nông thôn 21,38 ha; đất ở đô thị 16,00 ha; đất quốc phòng 22,02 ha; đất an ninh 0,39 ha; đất thương mại dịch vụ 13,38 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 11,02 ha; đất giao thông 2,62 ha; đất thủy lợi 5,74 ha để thực hiện các công trình, dự án như: Căn cứ hậu cần kỹ thuật (Vùng lõi ccHC-KT huyện), Xây dựng công trình quốc phòng SB-2021 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Phước, Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 759B (từ đồn biên phòng 789 đi sông măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu)...

- Chu chuyển tăng 334,91 ha do nhận chu chuyển từ đất trồng lúa 1,6 ha; đất rừng sản xuất là 319,81 ha; đất nuôi trồng thủy sản 13,5 ha để thực hiện chuyển mục

### **Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện, thực hiện dự án: Dự án trồng cây ăn trái chất lượng cao của công ty TNHH Nông nghiệp Hữu cơ Bình Phước

Đến năm 2025, đất trồng cây lâu năm được phân bố trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

**Bảng 3.27.** Kế hoạch sử dụng đất trồng cây lâu năm 2025 theo ĐVHC cấp xã

*Đơn vị tính: ha*

TT	ĐVHC	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/ Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	958,15	937,75	-20,40
2	Tân Tiến	3.228,64	3.224,27	-4,37
3	Hưng Phước	3.212,78	3.204,30	-8,48
4	Phước Thiện	1.536,27	1.849,76	313,49
5	Tân Thành	2.610,57	2.607,43	-3,14
6	Thanh Hòa	3.555,44	3.529,23	-26,21
7	Thiện Hưng	3.533,11	3.524,58	-8,53
<b>Tổng cộng</b>		<b>18.634,96</b>	<b>18.877,32</b>	<b>242,36</b>

#### **3.1.4. Đất rừng phòng hộ**

Hiện trạng năm 2024 toàn huyện là 7.829,43 ha đất rừng phòng hộ.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 7.729,00 ha.

Diện tích đất rừng sản xuất trong năm Kế hoạch năm 2025 là 7.826,74 ha; giảm 2,69 ha so với hiện trạng năm 2024 do chuyển sang đất công trình giao thông.

**Bảng 3.28.** Kế hoạch sử dụng đất rừng phòng hộ năm 2025 theo ĐVHC cấp xã

*Đơn vị tính: ha*

TT	ĐVHC	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/ Giảm(-)
1	TT Thanh Bình			
2	Tân Tiến	140,86	140,86	-
3	Hưng Phước	965,82	965,64	-0,18
4	Phước Thiện	5.656,58	5.654,07	-2,51
5	Tân Thành	289,47	289,47	-
6	Thanh Hòa	337,66	337,66	-
7	Thiện Hưng	439,04	439,04	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>7.829,43</b>	<b>7.826,74</b>	<b>-2,69</b>

#### **3.1.5. Đất rừng sản xuất**

Hiện trạng năm 2024 toàn huyện là 5.114,28 ha đất rừng sản xuất.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 3.445,00 ha.

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

Diện tích đất rừng sản xuất trong năm Kế hoạch năm 2025 là 4.784,84 ha; giảm 329,44 ha so với hiện trạng năm 2024 do chuyển sang đất trồng cây lâu năm 319,81 ha; chuyển sang đất giao thông 9,63 ha.

**Bảng 3.29.** Kế hoạch sử dụng đất rừng sản xuất năm 2025 theo ĐVHC cấp xã*Đơn vị tính: ha*

TT	ĐVHC	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/ Giảm(-)
1	TT Thanh Bình			
2	Tân Tiến			
3	Hưng Phước			
4	Phước Thiện	5.073,22	4.743,78	-329,44
5	Tân Thành	3,31	3,31	-
6	Thanh Hòa			
7	Thiện Hưng	37,75	37,75	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>5.114,28</b>	<b>4.784,84</b>	<b>-329,44</b>

**3.1.6. Đất nuôi trồng thủy sản**

Hiện trạng năm 2024 toàn huyện là 135,60 ha đất nuôi trồng thủy sản. Diện tích đất nuôi trồng thủy sản trong năm Kế hoạch 2025 là 163,13 ha; tăng 27,53 ha so với hiện trạng năm 2024, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 122,10 ha.
- Chu chuyển tăng 41,03 ha do nhận từ đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá thực hiện công trình, dự án Cho thuê đất nuôi trồng thủy sản (Khu đất bầu Cầu Trắng, xã Tân Thành).
- Chu chuyển giảm 13,50 do chuyển sang đất trồng cây lâu năm.

**Bảng 3.30.** Kế hoạch sử dụng đất nuôi trồng thủy sản năm 2025 theo ĐVHC cấp xã*Đơn vị tính: ha*

TT	ĐVHC	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/ Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	15,63	15,63	-
2	Tân Tiến	49,25	44,75	-4,50
3	Hưng Phước	0,14	0,14	-
4	Phước Thiện	2,84	2,84	-
5	Tân Thành	5,65	42,18	36,53
6	Thanh Hòa	52,33	47,83	-4,50
7	Thiện Hưng	9,76	9,76	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>135,60</b>	<b>163,13</b>	<b>27,53</b>

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước****3.1.7. Đất nông nghiệp khác**

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất nông nghiệp khác là 284,20 ha. Diện tích đất nông nghiệp khác đến năm 2025 không thay đổi so với năm 2024.

**Bảng 3.31.** Kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp khác năm 2025 theo ĐVHC cấp xã

*Đơn vị tính: ha*

TT	ĐVHC	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình			
2	Tân Tiến			
3	Hung Phước	92,60	92,60	-
4	Phước Thiện	166,49	166,49	-
5	Tân Thành			
6	Thanh Hòa			
7	Thiện Hưng	25,11	25,11	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>284,20</b>	<b>284,20</b>	<b>-</b>

**3.2. Chỉ tiêu nhóm đất phi nông nghiệp**

Hiện trạng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện năm 2024 là 4.393,48 ha, chiếm 11,56% DTTN.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 4.576 ha

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 dự kiến là 4.477,12 ha, tăng 83,64 ha so với hiện trạng năm 2024, cụ thể chỉ tiêu nhóm đất phi nông nghiệp dự kiến thực hiện trong năm 2025 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 4.352,45 ha.
- Diện tích đất phi nông nghiệp trong năm Kế hoạch 2025 tăng 124,67 ha so với năm 2024, do đất trồng lúa 17,04 ha; đất trồng cây lâu năm chuyển sang 92,55 ha; đất rừng sản xuất 9,63 ha; đất trồng cây hằng năm khác 2,76 ha; đất rừng phòng hộ 2,69 ha. Giảm 41,03 ha do đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá chuyển sang đất nông nghiệp.

**Bảng 3.32.** Chỉ tiêu nhóm đất phi nông nghiệp trong năm KHSDĐ 2025

*Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng 2024	Tổng diện tích năm 2025	Tăng (+)/Giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(8)=(5)-(4)
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>4.393,48</b>	<b>4.477,12</b>	<b>83,64</b>
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	337,90	360,00	22,10
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	62,20	80,00	17,80

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng 2024	Tổng diện tích năm 2025	Tăng (+)/Giảm (-)
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	25,84	24,19	-1,65
2.4	Đất quốc phòng	CQP	157,17	177,45	20,28
2.5	Đất an ninh	CAN	3,24	4,70	1,46
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	69,15	69,57	0,42
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	8,48	8,48	0,00
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,00	0,00	0,00
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,00	4,70	0,70
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	36,83	36,55	-0,28
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	8,44	8,44	0,00
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH			
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT			
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT			
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	11,40	11,40	0,00
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	198,72	222,80	24,08
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK			
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN			
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT			
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	11,75	25,00	13,25
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	71,17	82,00	10,83
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	115,80	115,80	0,00
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	2.390,10	2.430,28	40,18
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	736,96	753,78	16,82
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	172,42	195,78	23,36
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT			
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC			
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,19	0,19	0,00
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	5,53	5,53	0,00
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1.464,35	1.464,35	0,00
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,89	0,89	0,00
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	5,73	5,73	0,00
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	4,03	4,03	0,00

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng 2024	Tổng diện tích năm 2025	Tăng (+)/Giảm (-)
2.9	Đất tôn giáo	TON	6,45	6,45	0,00
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	0,34	0,34	0,00
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	27,44	27,44	0,00
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	1.107,32	1.066,29	-41,03
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	695,10	654,07	-41,03
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	412,22	412,22	0,00
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	7,61	7,61	0,00

Đến năm 2025, đất phi nông nghiệp được phân bố trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

**Bảng 3.33.** Kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2025 theo ĐVHC cấp xã

*Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	257,97	282,99	25,02
2	Xã Tân Tiến	489,38	500,15	10,77
3	Xã Hưng Phước	371,03	388,15	17,12
4	Xã Phước Thiện	1.320,12	1.338,78	18,66
5	Xã Tân Thành	837,82	805,67	-32,15
6	Xã Thanh Hòa	363,64	399,23	35,59
7	Xã Thiện Hưng	753,52	762,15	8,63
<b>Tổng cộng</b>		<b>4.393,48</b>	<b>4.477,12</b>	<b>83,64</b>

Kế hoạch sử dụng các loại đất trong nhóm đất phi nông nghiệp năm 2025 như sau:

**3.2.1. Đất ở tại nông thôn**

Hiện trạng năm 2024 diện tích toàn huyện là 337,90 ha đất ở nông thôn.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 360 ha

Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung: cấp huyện cân đối nhu cầu sử dụng đất bằng với chỉ tiêu được phân bổ.

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

Đến năm 2025, diện tích đất ở nông thôn bố trí là 360,00 ha,

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 283,30 ha;

- Chu chuyển tăng 23,18 ha do nhận từ đất cây lâu năm 21,38 ha; đất trồng lúa nước 0,6 ha; đất trồng cây hàng năm khác 1,2 ha.

- Chu chuyển giảm 1,08 ha do chuyển sang đất thủy lợi.

**Bảng 3.34.** Danh mục công trình đất ở nông thôn năm 2025

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm (cấp xã)
1	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Tân Tiến	4,27	Tân Tiến
2	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Tân Thành	3,27	Tân Thành
3	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Thanh Hoà	5,27	Thanh Hòa
4	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Thiện Hưng	4,27	Thiện Hưng
5	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Hưng Phước	2,83	Hưng Phước
6	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở xã Phước Thiện	3,27	Phước Thiện
7	Đầu giá khu đất đường Liên doanh và đường nhựa thuộc ấp Tân Hội, xã Tân Thành	0,09	Tân Thành
8	Đầu giá khu đất đường ĐT759B thuộc tổ 6, thôn 2 Thiện Hưng	0,07	Thiện Hưng
9	Đầu giá khu đất đường ĐT759B thuộc tổ 2 thôn 3 Thiện Hưng	1,34	Thiện Hưng
10	Đầu giá khu đất đường ĐT759B thuộc tổ 1 thôn 3 Thiện Hưng	0,05	Thiện Hưng

**Bảng 3.35.** Kế hoạch sử dụng đất ở tại nông thôn năm 2025 theo ĐVHC cấp xã

Đơn vị tính: ha

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	Xã Tân Tiến	58,27	62,36	4,09
2	Xã Hưng Phước	28,44	31,27	2,83
3	Xã Phước Thiện	21,34	24,61	3,27
4	Xã Tân Thành	43,10	45,78	2,68
5	Xã Thanh Hòa	86,48	91,44	4,96
6	Xã Thiện Hưng	100,27	104,54	4,27



**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
Tổng cộng		337,90	360,00	22,10

**3.2.2. Đất ở tại đô thị**

Hiện trạng năm 2024 diện tích toàn huyện là 62,20 ha đất ở đô thị.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 80 ha

Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung: cấp huyện cân đối nhu cầu sử dụng đất bằng với chỉ tiêu được phân bổ.

Đến năm 2025, diện tích đất ở đô thị bố trí là 80 ha, tăng 17,8 ha so với hiện trạng năm 2024, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 62,18 ha.
- Đất ở đô thị tăng 112,63 ha do nhận từ đất trồng cây lâu năm 16,00 ha; đất trồng cây hằng năm khác 1,56 ha; đất trồng lúa 0,2 ha.
- Đất ở đô thị giảm 0,02 ha, do chuyển qua đất thủy lợi.

**Bảng 3.36.** Danh mục công trình đất ở đô thị năm 2025

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm (cấp xã)
1	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở TT.Thanh Bình	17,76	TT Thanh Bình
2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất khu đất đường Nguyễn Huệ - Hùng Vương	0,01	TT Thanh Bình
3	Giao đất có thu tiền sử dụng đất khu đất đường Nguyễn Chí Thanh	0,02	TT Thanh Bình
4	Giao đất có thu tiền sử dụng đất khu đất đường Phạm Ngọc Thạch	0,01	TT Thanh Bình
5	Giao đất có thu tiền sử dụng đất khu đất đường Chu Văn An	0,01	TT Thanh Bình
6	Khu đất Tái định cư Cần Đơn TT Thanh Bình	1,07	TT Thanh Bình
7	Khu đất đường Nguyễn Lương Bằng	0,09	TT Thanh Bình
8	Khu đất tại tổ 5, KP Thanh Xuân, TT Thanh Bình, Bù Đốp, Bình Phước	0,22	TT Thanh Bình
9	Khu đất đường Quy Hoạch (Trường tiểu học Thanh Bình A)	0,06	TT Thanh Bình

**3.2.3. Đất xây dựng trụ sở cơ quan**

Hiện trạng năm 2024 diện tích toàn huyện là 25,84 ha đất xây dựng trụ sở cơ quan.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 33 ha

Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung: cấp huyện cân đối nhu cầu sử dụng đất đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu được phân bổ.

Đến năm 2025, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan bố trí là 24,19 ha, giảm 1.65 ha so với hiện trạng năm 2024, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 24,19 ha.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan giảm 1,65 ha do chuyển sang đất an ninh 0,85 ha; đất xây dựng cơ sở y tế 0,70 ha; đất giao thông 0,1 ha.

Đến năm 2025, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

**Bảng 3.37.** Kế hoạch sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2025  
theo ĐVHC cấp xã

*Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	11,11	10,95	-0,16
2	Xã Tân Tiến	0,78	0,78	0,00
3	Xã Hưng Phước	4,50	4,40	-0,10
4	Xã Phước Thiện	1,09	1,09	0,00
5	Xã Tân Thành	1,41	0,96	-0,45
6	Xã Thanh Hòa	4,44	3,73	-0,71
7	Xã Thiện Hưng	2,51	2,28	-0,23
<b>Tổng cộng</b>		<b>25,84</b>	<b>24,19</b>	<b>-1,65</b>

**3.2.4. Đất quốc phòng**

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất quốc phòng là 157,17 ha.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 223 ha

Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung: cấp huyện cân đối nhu cầu sử dụng đất đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu được phân bổ.

Diện tích đất quốc phòng đến năm 2025 là 177,45 ha, tăng 20,28 ha so với hiện trạng năm 2024; trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 155,43 ha.
- Diện tích giảm 1,74 ha do chuyển sang đất giao thông.

### **Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

- Chu chuyển tăng 22,02 ha do đất trồng cây lâu năm chuyển sang thực hiện công trình, dự án: Căn cứ hậu cần kỹ thuật (Vùng lõi ccHC-KT huyện), Xây dựng công trình quốc phòng SB-2021 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Phước.

Đến năm 2025, diện tích đất quốc phòng được phân bố trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

**Bảng 3.38.** Kế hoạch sử dụng đất quốc phòng năm 2025 theo ĐVHC cấp xã

*Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	3,06	3,06	0,00
2	Xã Tân Tiến	0,66	0,66	0,00
3	Xã Hưng Phước	78,18	78,18	0,00
4	Xã Phước Thiện	33,29	31,55	-1,74
5	Xã Tân Thành	21,22	21,22	0,00
6	Xã Thanh Hòa	16,13	37,91	21,78
7	Xã Thiện Hưng	4,63	4,87	0,24
<b>Tổng cộng</b>		<b>157,17</b>	<b>177,45</b>	<b>20,28</b>

#### **3.2.5. Đất an ninh**

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất an ninh là 3,24 ha.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 9 ha

Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung: cấp huyện cân đối nhu cầu sử dụng đất đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu được phân bổ.

Diện tích đất an ninh đến năm 2025 là 4,70 ha, tăng 1,46 ha so với hiện trạng năm 2024, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 3,24 ha.
- Chu chuyển tăng 1,46 ha do nhận chu chuyển từ đất cây lâu năm 0,39 ha; đất xây dựng cơ quan trụ sở 0,85 ha; đất giáo dục 0,22 ha.

Đến năm 2025, đất an ninh được phân bố trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

**Bảng 3.39.** Kế hoạch sử dụng đất an ninh năm 2025 theo ĐVHC cấp xã

*Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	11,11	10,95	-0,16
2	Xã Tân Tiến	0,78	0,78	0,00
3	Xã Hưng Phước	4,50	4,40	-0,10

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
4	Xã Phước Thiện	1,09	1,09	0,00
5	Xã Tân Thành	1,41	0,96	-0,45
6	Xã Thanh Hòa	4,44	3,73	-0,71
7	Xã Thiện Hưng	2,51	2,28	-0,23
<b>Tổng cộng</b>		<b>25,84</b>	<b>24,19</b>	<b>-1,65</b>

**Bảng 3.40.** Danh mục công trình đất an ninh trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm (cấp xã)
1	Trụ sở công an xã	0,14	Tân Tiến
2	Trụ sở công an xã	0,25	Hưng Phước
3	Trụ sở công an xã	0,22	Phước Thiện
4	Trụ sở công an xã	0,18	Tân Thành
5	Trụ sở công an xã	0,28	Thanh Hòa
6	Trụ sở công an xã	0,23	Thiện Hưng
7	Trụ sở công an thị trấn	0,16	TT Thanh Bình
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1,46</b>	

**3.2.6. Đất xây dựng công trình sự nghiệp**

Hiện trạng diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp toàn huyện năm 2024 là 69,15 ha.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 95 ha

Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung: cấp huyện cân đối nhu cầu sử dụng đất đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu được phân bổ.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 dự kiến là 69,57 ha, tăng 0,42 ha so với hiện trạng năm 2024, cụ thể chỉ tiêu nhóm xây dựng công trình sự nghiệp dự kiến thực hiện trong năm như sau:

**Bảng 3.41.** Chỉ tiêu sử dụng đất của đất xây dựng công trình sự nghiệp đến năm 2025

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng 2024	Tổng diện tích năm 2025	Tăng (+) /Giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(8)=(5)-(4)
	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	69,15	69,57	0,42

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng 2024	Tổng diện tích năm 2025	Tăng (+) /Giảm (-)
1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	8,48	8,48	0,00
2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,00	0,00	0,00
3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,00	4,70	0,70
4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	36,83	36,55	-0,28
5	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	8,44	8,44	0,00
6	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH			
7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT			
8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT			
9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	11,40	11,40	0,00

Đến năm 2025, diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

**Bảng 3.42.** Kế hoạch sử dụng đất xây dựng công trình sự nghiệp năm 2025 theo ĐVHC cấp xã

*Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	17,16	17,10	-0,06
2	Xã Tân Tiến	6,60	6,60	-
3	Xã Hưng Phước	8,60	8,60	-
4	Xã Phước Thiện	5,89	5,67	-0,22
5	Xã Tân Thành	10,87	11,14	0,27
6	Xã Thanh Hòa	5,95	6,38	0,43
7	Xã Thiện Hưng	14,08	14,08	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>69,15</b>	<b>69,57</b>	<b>0,42</b>

**a. Đất xây dựng cơ sở văn hóa:**

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa là 8,48 ha.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 9 ha

Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung: cấp huyện cân đối nhu cầu sử dụng đất đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu được phân bổ.

### **Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa đến năm 2025 là 8,48 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2024.

Đến năm 2025, đất xây dựng cơ sở văn hóa được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

**Bảng 3.43.** Kế hoạch sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa  
năm 2025 theo ĐVHC cấp xã

*Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	0,92	0,92	-
2	Xã Tân Tiến	0,66	0,66	-
3	Xã Hưng Phước	0,95	0,95	-
4	Xã Phước Thiện	0,48	0,48	-
5	Xã Tân Thành	0,89	0,89	-
6	Xã Thanh Hòa	1,30	1,30	-
7	Xã Thiện Hưng	3,28	3,28	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>8,48</b>	<b>8,48</b>	-

#### **b. Đất xây dựng cơ sở y tế:**

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất xây dựng cơ sở y tế là 4,00 ha.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 8,00 ha

Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung: cấp huyện cân đối nhu cầu sử dụng đất đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu được phân bổ.

Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế đến năm 2025 là 4,70 ha, tăng 0,70 ha so với hiện trạng năm 2024, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 4,00 ha.
- Chuyển tăng 0,70 ha do nhận chuyển từ đất xây dựng trụ sở cơ quan thực hiện công trình, dự án: Xây dựng trạm y tế xã Thanh Hòa, Xây dựng trạm y tế xã Tân Thành.

Đến năm 2025, đất xây dựng cơ sở y tế được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

**Bảng 3.44.** Kế hoạch sử dụng đất xây dựng cơ sở y tế năm 2025 theo ĐVHC cấp xã

*Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	1,98	1,98	-

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
2	Xã Tân Tiến	0,50	0,50	-
3	Xã Hưng Phước	0,24	0,24	-
4	Xã Phước Thiện	0,44	0,44	-
5	Xã Tân Thành	0,21	0,48	0,27
6	Xã Thanh Hòa	0,39	0,82	0,43
7	Xã Thiện Hưng	0,24	0,24	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>4,00</b>	<b>4,70</b>	<b>0,70</b>

**c. Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:**

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo là 36,83 ha.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 42,00 ha

Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung: cấp huyện cân đối nhu cầu sử dụng đất đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu được phân bổ.

Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo đến năm 2025 là 36,55 ha, giảm 0,28 ha so với hiện trạng năm 2024, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 36,55 ha.
- Chuyển giảm 0,28 ha do chuyển sang đất ở tại đô thị 0,06 ha thực hiện công trình, dự án: Đầu giá Khu đất đường Quy Hoạch (Trường tiểu học Thanh Bình A), chuyển sang đất an ninh 0,22 ha thực hiện công trình, dự án: trụ sở công an xã Phước Thiện.

Đến năm 2025, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

**Bảng 3.45.** Kế hoạch sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo năm 2025 theo DVHC cấp xã

*Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	10,49	10,43	-0,06
2	Xã Tân Tiến	4,71	4,71	-
3	Xã Hưng Phước	3,08	3,08	-
4	Xã Phước Thiện	2,34	2,12	-0,22
5	Xã Tân Thành	6,27	6,27	-
6	Xã Thanh Hòa	4,26	4,26	-

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
7	Xã Thiện Hưng	5,68	5,68	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>36,83</b>	<b>36,55</b>	<b>-0,28</b>

**d. Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao:**

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao là 8,44 ha.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 24 ha

Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung: cấp huyện cân đối nhu cầu sử dụng đất đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu được phân bổ.

Diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao đến năm 2025 là 8,44 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2024.

Đến năm 2025, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

**Bảng 3.46.** Kế hoạch sử dụng đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao năm 2025 theo ĐVHC cấp xã

*Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	1,30	1,30	-
2	Xã Tân Tiến	0,73	0,73	-
3	Xã Hưng Phước	1,05	1,05	-
4	Xã Phước Thiện			
5	Xã Tân Thành	0,48	0,48	-
6	Xã Thanh Hòa			
7	Xã Thiện Hưng	4,88	4,88	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>8,44</b>	<b>8,44</b>	<b>-</b>

**e. Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác:**

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp khác là 11,40 ha (cập nhật theo số liệu thống kê đất đai năm 2023)

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 9 ha

Diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp khác đến năm 2025 là 11,40 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2024.

Đến năm 2025, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:



**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước****Bảng 3.47. Kế hoạch sử dụng đất xây dựng công trình sự nghiệp khác năm 2025 theo ĐVHC cấp xã***Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	2,47	2,47	-
2	Xã Tân Tiến			
3	Xã Hưng Phước	3,28	3,28	-
4	Xã Phước Thiện	2,63	2,63	-
5	Xã Tân Thành	3,02	3,02	-
6	Xã Thanh Hòa			
7	Xã Thiện Hưng			
<b>Tổng cộng</b>		<b>11,40</b>	<b>11,40</b>	<b>0,00</b>

**3.2.7. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp**

Hiện trạng diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp toàn huyện năm 2024 là 198,72 ha.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 116 ha

Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung: cấp huyện cân đối nhu cầu sử dụng đất đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu được phân bổ.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 dự kiến là 222,80 ha, tăng 24,08 ha so với hiện trạng năm 2024.

Đến năm 2025, diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

**Bảng 3.48. Kế hoạch sử dụng đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp năm 2025 theo ĐVHC cấp xã***Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	10,19	14,07	3,88
2	Xã Tân Tiến	3,07	6,32	3,25
3	Xã Hưng Phước	24,64	27,20	2,56
4	Xã Phước Thiện	10,60	13,85	3,25
5	Xã Tân Thành	120,93	124,68	3,75
6	Xã Thanh Hòa	4,47	7,74	3,27
7	Xã Thiện Hưng	24,82	28,94	4,12
<b>Tổng cộng</b>		<b>198,72</b>	<b>222,80</b>	<b>24,08</b>

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước****a. Đất thương mại – dịch vụ:**

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất thương mại – dịch vụ là 11,75 ha.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 25,00 ha

Diện tích đất thương mại – dịch vụ đến năm 2025 huyện là 25,00 ha, tăng 13,25 ha so với hiện trạng năm 2024, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 11,62 ha.
- Chu chuyển tăng 13,38 ha so với hiện trạng năm 2024 do đất trồng cây lâu năm chuyển sang 13,38 ha.
- Chu chuyển giảm 0,13 ha sang đất giao thông.

**Bảng 3.49. Danh mục công trình đất thương mại dịch vụ năm 2025**

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm (cấp xã)
1	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất TMDV xã Hưng Phước	1,75	Hưng Phước
2	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất TMDV xã Phước Thiện	1,75	Phước Thiện
3	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất TMDV xã Tân Thành	1,75	Tân Thành
4	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất TMDV xã Tân Tiến	1,75	Tân Tiến
5	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất TMDV xã Thanh Bình	2,38	TT Thanh Bình
6	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất TMDV xã Thanh Hòa	1,54	Thanh Hòa
7	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất TMDV xã Thiện Hưng	2,25	Thiện Hưng
8	Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu Nhật Huy BP	0,21	Thanh Hòa
	<b>Tổng cộng</b>	<b>13,38</b>	

Đến năm 2025, đất thương mại – dịch vụ được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

**Bảng 3.50. Kế hoạch sử dụng đất thương mại – dịch vụ năm 2025 theo ĐVHC cấp xã**

*Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	7,09	9,47	2,38
2	Xã Tân Tiến	0,38	2,13	1,75
3	Xã Hưng Phước	2,39	4,01	1,62

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
4	Xã Phước Thiện		1,75	1,75
5	Xã Tân Thành	0,54	2,29	1,75
6	Xã Thanh Hòa	1,09	2,84	1,75
7	Xã Thiện Hưng	0,26	2,51	2,25
<b>Tổng cộng</b>		<b>11,75</b>	<b>25,00</b>	<b>13,25</b>

**b. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**

Hiện trạng năm 2024 diện tích cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 71,17 ha.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 82 ha

Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung: cấp huyện cân đối nhu cầu sử dụng đất đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu được phân bổ.

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đến năm 2025 là 82 ha, tăng 10,83 ha so với năm 2024, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 70,98 ha;
- Chu chuyển tăng 11,02 ha do đất trồng cây lâu năm chuyển sang;
- Chu chuyển giảm 0,19 ha do chuyển sang đất giao thông.

**Bảng 3.51.** Danh mục công trình đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2025

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm (cấp xã)
1	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất sản xuất phi nông nghiệp xã Hưng Phước	1,13	Hưng Phước
2	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất sản xuất phi nông nghiệp xã Phước Thiện	1,50	Phước Thiện
3	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất sản xuất phi nông nghiệp xã Tân Thành	2,00	Tân Thành
4	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất sản xuất phi nông nghiệp xã Tân Tiến	1,50	Tân Tiến
5	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất sản xuất phi nông nghiệp xã Thanh Hòa	1,52	Thanh Hòa
6	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất sản xuất phi nông nghiệp TT Thanh Bình	1,50	TT Thanh Bình
7	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất sản xuất phi nông nghiệp xã Thiện Hưng	1,50	Thiện Hưng
	<b>Tổng cộng</b>	<b>10,65</b>	

Đến năm 2025, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước****Bảng 3.52.** Kế hoạch sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2025 theo ĐVHC cấp xã*Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	3,10	4,60	1,50
2	Xã Tân Tiến	2,69	4,19	1,50
3	Xã Hưng Phước	22,25	23,19	0,94
4	Xã Phước Thiện	5,42	6,92	1,50
5	Xã Tân Thành	13,35	15,35	2,00
6	Xã Thanh Hòa	1,82	3,34	1,52
7	Xã Thiện Hưng	22,54	24,41	1,87
<b>Tổng cộng</b>		<b>71,17</b>	<b>82,00</b>	<b>10,83</b>

**c. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản**

Hiện trạng năm 2024 diện tích toàn huyện là 115,80 ha đất cho hoạt động khoáng sản theo số liệu thống kê đất đai năm 2023.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 9 ha.

Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đến năm 2025 là 115,80 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2024.

**Bảng 3.53.** Kế hoạch sử dụng cho hoạt động khoáng sản năm 2025 theo ĐVHC cấp xã*Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình			
2	Xã Tân Tiến			
3	Xã Hưng Phước			
4	Xã Phước Thiện	5,18	5,18	-
5	Xã Tân Thành	107,04	107,04	-
6	Xã Thanh Hòa	1,56	1,56	-
7	Xã Thiện Hưng	2,02	2,02	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>115,80</b>	<b>115,80</b>	<b>-</b>

**3.2.8. Đất sử dụng vào mục đích công cộng**

Hiện trạng diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng toàn huyện năm 2024 là 2.390,10 ha.

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung: cấp huyện cân đối nhu cầu sử dụng đất đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu được phân bổ.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 dự kiến là 2.430,28 ha, tăng 40,18 ha so với hiện trạng năm 2024, cụ thể chỉ tiêu nhóm đất sử dụng vào mục đích công cộng dự kiến thực hiện trong năm như sau:

**Bảng 3.54.** Chỉ tiêu sử dụng đất sử dụng vào mục đích công cộng đến năm 2025

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng 2024	Tổng diện tích năm 2025	Tăng (+)/Giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(8)=(5)-(4)
	<b>Đất sử dụng vào mục đích công cộng</b>	<b>CCC</b>	<b>2.390,10</b>	<b>2.430,28</b>	<b>40,18</b>
1	Đất công trình giao thông	DGT	736,96	753,78	16,82
2	Đất công trình thủy lợi	DTL	172,42	195,78	23,36
3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT			
4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC			
5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,19	0,19	0,00
6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	5,53	5,53	0,00
7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1.464,35	1.464,35	0,00
8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,89	0,89	0,00
9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	5,73	5,73	0,00
10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	4,03	4,03	0,00

Đến năm 2025, diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

**Bảng 3.55.** Kế hoạch sử dụng đất sử dụng vào mục đích công cộng năm 2025 theo DVHC cấp xã

Đơn vị tính: ha

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	122,46	125,86	3,40
2	Xã Tân Tiến	131,36	134,65	3,29
3	Xã Hưng Phước	189,19	200,77	11,58
4	Xã Phước Thiện	1.136,99	1.150,87	13,88
5	Xã Tân Thành	143,37	145,82	2,45

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
6	Xã Thanh Hòa	115,07	120,65	5,58
7	Xã Thiện Hưng	551,66	551,66	0,00
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.390,10</b>	<b>2.430,28</b>	<b>40,18</b>

**a. Đất công trình giao thông:**

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất công trình giao thông là 736,96 ha.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 763,00 ha

Diện tích đất công trình giao thông đến năm 2025 huyện là 753,78 ha, tăng 16,82 ha so với hiện trạng năm 2024, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 736,68 ha.

- Chu chuyển tăng 17,10 ha so với hiện trạng năm 2024 do đất trồng cây lâu năm chuyển sang 2,62 ha, đất rừng phòng hộ chuyển sang 2,69 ha, đất rừng sản xuất chuyển sang 9,63 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan chuyển sang 0,10 ha, đất quốc phòng chuyển sang 1,74 ha, đất thương mại dịch vụ chuyển sang 0,13 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp chuyển sang 0,19 ha.

- Chu chuyển giảm 0,28 ha do chuyển sang đất công trình thủy lợi thực hiện công trình, dự án: Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước (ADB9) (tên cũ: Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu - Thành phần tỉnh Bình Phước (ADB9)).

**Bảng 3.56.** Danh mục dự án đất công trình giao thông năm 2025

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm (cấp xã)
1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 759B (từ đồn biên phòng 789 đi sông măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu)	4,63	Hung Phước; Phước Thiện
2	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ ĐT 759B đi ấp 4 Hưng Phước (khu tái định cư đập thủy lợi Bù Tam) ra đường tuần tra biên giới, huyện Bù Đốp	0,68	Hung Phước
3	Xây dựng đường điện cho khu dân cư liền kề Đồn Biên phòng Bù Đốp tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp	0,42	Hung Phước
4	Nâng cấp lát nhựa đường từ đường ĐT 759B đi rừng đầu nguồn Phước Thiện, Bù Đốp	3,04	Phước Thiện
5	Xây dựng đường vào các Đồn Biên phòng Đắc O - huyện Bù Gia Mập, xã Phước Thiện - huyện	8,33	Phước Thiện

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm (cấp xã)
	Bù Đốp, xã Lộc An, xã Lộc Thiện - huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>17,10</b>	

Đến năm 2025, đất công trình giao thông được phân bố trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

**Bảng 3.57.** Kế hoạch sử dụng đất công trình giao thông  
năm 2025 theo ĐVHC cấp xã

*Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	71,82	71,75	-0,07
2	Xã Tân Tiến	89,24	89,17	-0,07
3	Xã Hưng Phước	91,40	94,62	3,22
4	Xã Phước Thiện	145,90	159,78	13,88
5	Xã Tân Thành	108,84	108,77	-0,07
6	Xã Thanh Hòa	104,12	104,05	-0,07
7	Xã Thiện Hưng	125,64	125,64	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>736,96</b>	<b>753,78</b>	<b>16,82</b>

**b. Đất công trình thủy lợi:**

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất công trình thủy lợi là 172,42 ha.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 196,00 ha.

Diện tích đất công trình thủy lợi đến năm 2025 huyện là 195,78 ha, tăng 23,36 ha so với hiện trạng năm 2024, trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 172,42 ha.

- Chu chuyển tăng 23,36 ha so với hiện trạng năm 2024 do đất trồng lúa chuyển sang 16,24 ha, đất trồng cây lâu năm chuyển sang 5,74 ha, đất ở tại nông thôn chuyển sang 1,08 ha, đất ở tại đô thị chuyển sang 0,02 ha, đất công trình giao thông chuyển sang 0,28 ha.

**Bảng 3.58.** Danh mục dự án đất công trình thủy lợi năm 2025

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm (cấp xã)
1	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước (ADB9) (tên cũ: Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu - Thành phần tỉnh Bình Phước	15,00	Tân Tiến; Tân Thành; Thanh Hòa; Thanh Bình

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm (cấp xã)
	(ADB9))		
2	Công trình Hồ chứa nước Bù Tam thuộc Dự án Cụm công trình thủy lợi vùng cao biên giới tỉnh Bình Phước (tên cũ: Hồ chứa nước Bù Tam)	8,36	Hưng Phước
	<b>Tổng cộng</b>	<b>23,36</b>	

Đến năm 2025, đất công trình thủy lợi được phân bố trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

**Bảng 3.59.** Kế hoạch sử dụng đất công trình thủy lợi  
năm 2025 theo ĐVHC cấp xã

*Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	21,28	24,75	3,47
2	Xã Tân Tiến	25,00	28,36	3,36
3	Xã Hưng Phước	93,60	101,96	8,36
4	Xã Phước Thiện	6,08	6,08	0,00
5	Xã Tân Thành	2,66	5,18	2,52
6	Xã Thanh Hòa	10,70	16,35	5,65
7	Xã Thiện Hưng	13,10	13,10	0,00
	<b>Tổng cộng</b>	<b>172,42</b>	<b>195,78</b>	<b>23,36</b>

**c. Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên:**

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên là 0,19 ha.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 1,00 ha.

Diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên đến năm 2025 huyện là 0,19 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2024.

**Bảng 3.60.** Kế hoạch sử dụng đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh,  
di sản thiên nhiên năm 2025 theo ĐVHC cấp xã

*Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình			
2	Xã Tân Tiến			
3	Xã Hưng Phước			
4	Xã Phước Thiện	0,19	0,19	-



**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
5	Xã Tân Thành			
6	Xã Thanh Hòa			
7	Xã Thiện Hưng			
<b>Tổng cộng</b>		<b>0,19</b>	<b>0,19</b>	<b>-</b>

**d. Đất công trình xử lý chất thải:**

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất công trình xử lý chất thải là 5,53 ha.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 7,00 ha.

Diện tích đất công trình xử lý chất thải đến năm 2025 huyện là 5,53 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2024.

**Bảng 3.61.** Kế hoạch sử dụng đất công trình xử lý chất thải năm 2025 theo ĐVHC cấp xã

*Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình			
2	Xã Tân Tiến			
3	Xã Hưng Phước	4,19	4,19	-
4	Xã Phước Thiện			
5	Xã Tân Thành	1,34	1,34	-
6	Xã Thanh Hòa			
7	Xã Thiện Hưng			
<b>Tổng cộng</b>		<b>5,53</b>	<b>5,53</b>	<b>-</b>

**e. Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng:**

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng là 1.464,35 ha.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 1.465,00 ha.

Diện tích đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng đến năm 2025 huyện là 1.464,35 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2024.

**Bảng 3.62.** Kế hoạch sử dụng đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng năm 2025 theo ĐVHC cấp xã

*Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	24,74	24,74	-
2	Xã Tân Tiến	16,24	16,24	-

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
3	Xã Hưng Phước			
4	Xã Phước Thiện	981,10	981,10	-
5	Xã Tân Thành	30,00	30,00	-
6	Xã Thanh Hòa	0,03	0,03	-
7	Xã Thiện Hưng	412,24	412,24	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.464,35</b>	<b>1.464,35</b>	-

**f. Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin:**

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin là 0,89 ha.

Chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện đến năm 2025 là: 1 ha.

Diện tích đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin đến năm 2025 huyện là 0,89 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2024.

**Bảng 3.63.** Kế hoạch sử dụng đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin năm 2025 theo ĐVHC cấp xã

Đơn vị tính: ha

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	0,33	0,33	-
2	Xã Tân Tiến	0,12	0,12	-
3	Xã Hưng Phước			
4	Xã Phước Thiện	0,02	0,02	-
5	Xã Tân Thành	0,10	0,10	-
6	Xã Thanh Hòa	0,22	0,22	-
7	Xã Thiện Hưng	0,10	0,10	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>0,89</b>	<b>0,89</b>	-

**g. Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối:**

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất chợ dân sinh, chợ đầu mối là 5,73 ha.

Diện tích đất chợ dân sinh, chợ đầu mối đến năm 2025 huyện là 5,73 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2024.

**Bảng 3.64.** Kế hoạch sử dụng đất chợ dân sinh, chợ đầu mối năm 2025 theo ĐVHC cấp xã

Đơn vị tính: ha

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	0,31	0,31	-

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
2	Xã Tân Tiến	0,76	0,76	-
3	Xã Hưng Phước			
4	Xã Phước Thiện	3,70	3,70	-
5	Xã Tân Thành	0,43	0,43	-
6	Xã Thanh Hòa			
7	Xã Thiện Hưng	0,53	0,53	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>5,73</b>	<b>5,73</b>	<b>-</b>

**h. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng:**

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng là 4,03 ha.

Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng đến năm 2025 huyện là 4,03 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2024.

**Bảng 3.65.** Kế hoạch sử dụng đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng năm 2025 theo ĐVHC cấp xã

*Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	3,98	3,98	-
2	Xã Tân Tiến			
3	Xã Hưng Phước			
4	Xã Phước Thiện			
5	Xã Tân Thành			
6	Xã Thanh Hòa			
7	Xã Thiện Hưng	0,05	0,05	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>4,03</b>	<b>4,03</b>	<b>-</b>

**3.2.9. Đất tôn giáo**

Hiện trạng năm 2024 diện tích toàn huyện là 6,45ha đất tôn giáo. Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 dự kiến diện tích là 6,45 ha không thay đổi so với năm 2024.

**Bảng 3.66.** Kế hoạch sử dụng đất tôn giáo năm 2025 theo ĐVHC cấp xã

*Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	1,60	1,60	-
2	Xã Tân Tiến	0,98	0,98	-
3	Xã Hưng Phước			

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
4	Xã Phước Thiện			
5	Xã Tân Thành	1,57	1,57	-
6	Xã Thanh Hòa	0,41	0,41	-
7	Xã Thiện Hưng	1,89	1,89	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>6,45</b>	<b>6,45</b>	<b>-</b>

**3.2.10. Đất tín ngưỡng**

Hiện trạng năm 2024 diện tích toàn huyện là 0,34 ha đất cơ sở tín ngưỡng. Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 dự kiến diện tích không thay đổi so với hiện trạng năm 2024.

**Bảng 3.67. Kế hoạch sử dụng đất tín ngưỡng năm 2025 theo ĐVHC cấp xã***Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình			
2	Xã Tân Tiến	0,34	0,34	-
3	Xã Hưng Phước			
4	Xã Phước Thiện			
5	Xã Tân Thành			
6	Xã Thanh Hòa			
7	Xã Thiện Hưng			
<b>Tổng cộng</b>		<b>0,34</b>	<b>0,34</b>	<b>-</b>

**3.2.11. Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt**

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt toàn huyện là 27,44 ha. Đến năm 2025, diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt là 27,44 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2024.

**Bảng 3.68. Kế hoạch sử dụng đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt năm 2025 theo ĐVHC cấp xã***Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	0,27	0,27	-
2	Xã Tân Tiến	2,96	2,96	-
3	Xã Hưng Phước	5,13	5,13	-
4	Xã Phước Thiện	3,34	3,34	-

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
5	Xã Tân Thành	3,92	3,92	-
6	Xã Thanh Hòa	1,58	1,58	-
7	Xã Thiện Hưng	10,24	10,24	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>27,44</b>	<b>27,44</b>	<b>-</b>

**3.2.12. Đất có mặt nước chuyên dùng**

Hiện trạng diện tích đất có mặt nước chuyên dùng toàn huyện năm 2024 là 1.107,32 ha.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 dự kiến là 1.066,29 ha, giảm 41,03 ha so với hiện trạng năm 2024.

Đến năm 2025, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng được phân bố trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

**Bảng 3.69.** Kế hoạch sử dụng đất có mặt nước chuyên dùng năm 2025 theo ĐVHC cấp xã

*Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	26,68	26,68	-
2	Xã Tân Tiến	284,36	284,36	-
3	Xã Hưng Phước	29,59	29,59	-
4	Xã Phước Thiện	103,26	103,26	-
5	Xã Tân Thành	491,43	450,40	-41,03
6	Xã Thanh Hòa	128,94	128,94	-
7	Xã Thiện Hưng	43,06	43,06	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.107,32</b>	<b>1.066,29</b>	<b>-41,03</b>

**a. Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá:**

Hiện trạng năm 2024 diện tích toàn huyện là 695,10 ha đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá. Đến năm 2025, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá là 654,07 ha, giảm 41,03 ha so với hiện trạng năm 2024 để thực hiện công trình, dự án: Cho thuê đất nuôi trồng thủy sản (Khu đất bầu Cầu Trắng, xã Tân Thành).

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước****Bảng 3.70.** Kế hoạch sử dụng đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá năm 2025 theo ĐVHC cấp xã*Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình			
2	Xã Tân Tiến	191,89	191,89	-
3	Xã Hưng Phước			
4	Xã Phước Thiện	24,97	24,97	-
5	Xã Tân Thành	457,43	416,40	-41,03
6	Xã Thanh Hòa	3,33	3,33	-
7	Xã Thiện Hưng	17,48	17,48	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>695,10</b>	<b>654,07</b>	<b>-41,03</b>

**b. Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối:**

Hiện trạng năm 2024 diện tích toàn huyện là 412,22 ha đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối. Đến năm 2025, diện tích đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối không thay đổi so với hiện trạng năm 2024.

**Bảng 3.71.** Kế hoạch sử dụng đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối năm 2025 theo ĐVHC cấp xã*Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình	26,68	26,68	-
2	Xã Tân Tiến	92,47	92,47	-
3	Xã Hưng Phước	29,59	29,59	-
4	Xã Phước Thiện	78,29	78,29	-
5	Xã Tân Thành	34,00	34,00	-
6	Xã Thanh Hòa	125,61	125,61	-
7	Xã Thiện Hưng	25,58	25,58	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>412,22</b>	<b>412,22</b>	<b>-</b>

**3.2.13. Đất phi nông nghiệp khác**

Hiện trạng năm 2024 diện tích toàn huyện là 7,61 ha đất phi nông nghiệp khác.  
Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 không thay đổi so với năm 2024

**Bảng 3.72.** Kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp khác  
năm 2025 theo ĐVHC cấp xã

*Đơn vị tính: ha*

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch SDD năm 2025	Tăng (+)/Giảm(-)
1	TT Thanh Bình			
2	Xã Tân Tiến			
3	Xã Hưng Phước	2,76	2,76	-
4	Xã Phước Thiện	4,32	4,32	-
5	Xã Tân Thành			
6	Xã Thanh Hòa	0,17	0,17	-
7	Xã Thiện Hưng	0,36	0,36	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>7,61</b>	<b>7,61</b>	-

**3.3. Chỉ tiêu nhóm đất chưa sử dụng**

Huyện Bù Đốp không còn diện tích nhóm đất chưa sử dụng.

**IV. DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT CẦN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT, THU HỒI, KẾ HOẠCH ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG**

a) Trong năm Kế hoạch sử dụng đất 2025 trên địa bàn huyện, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất cụ thể như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp chuyển mục đích sử dụng đất sang đất phi nông nghiệp là 124,67 ha.

- Diện tích chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp là 321,41 ha

- Diện tích chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp là 0,06 ha.

**Bảng 3.73.** Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch 2025

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
<b>1</b>	<b>Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>124,67</b>
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	17,04
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK/PNN	2,76

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	92,55
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	2,69
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	9,63
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN	
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN	
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>		<b>321,41</b>
	Trong đó:		
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP	1,60
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RDD/NNP	
2.3	Chuyển đất rừng phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP	
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP	319,81
<b>3</b>	<b>Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn</b>	<b>MHT/CNT</b>	
<b>4</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp</b>		<b>0,06</b>
	Trong đó:		
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai	MHT/PNC	
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT /OTC	0,06
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT /CSK	
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT /CSK	
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT /TMD	



## Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

b) Trong năm Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích thu hồi đất cụ thể như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp thu hồi: 50,83 ha.
- Diện tích đất phi nông nghiệp thu hồi: 3,54 ha.

**Bảng 3.74.** Diện tích thu hồi trong năm kế hoạch 2025

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
<b>1</b>	<b>Nhóm đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>50,83</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	7,88
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	7,88
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	30,63
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2,69
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	9,63
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	
1.9	Đất làm muối	LMU	
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	
<b>2</b>	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>3,54</b>
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1,08
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	0,02
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,10
2.4	Đất quốc phòng	CQP	1,74
2.5	Đất an ninh	CAN	
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	0,32
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,13
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,19
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	0,28
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	0,28
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	
2.9	Đất tôn giáo	TON	
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

**V. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG NĂM 2025****5.1. Các công trình dự án vì mục đích Quốc phòng, an ninh quy định tại Điều 78 của Luật Đất đai 2024**

Trong năm Kế hoạch 2025, huyện Bù Đốp thực hiện 07 công trình dự án đất an ninh và 02 công trình dự án đất quốc phòng, cụ thể như sau:

**Bảng 3.75. Danh mục công trình đất an ninh, đất quốc phòng**

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
<b>I</b>	<b>Đất an ninh</b>		
1	Trụ sở công an xã	0,14	Tân Tiến
2	Trụ sở công an xã	0,25	Hưng Phước
3	Trụ sở công an xã	0,22	Phước Thiện
4	Trụ sở công an xã	0,18	Tân Thành
5	Trụ sở công an xã	0,28	Thanh Hòa
6	Trụ sở công an xã	0,23	Thiện Hưng

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
7	Trụ sở công an thị trấn	0,16	TT Thanh Bình
<b>II</b>	<b>Đất quốc phòng</b>		
1	Căn cứ hậu cần kỹ thuật (Vùng lõi ccHC-KT huyện)	21,78	Thanh Hòa
2	Xây dựng công trình quốc phòng SB-2021 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Phước	0,24	Thiện Hưng

**5.2. Các dự án quy định tại khoản 4 Điều 67 và Điều 79 của Luật Đất đai 2024**

Căn cứ nhu cầu sử dụng đất của các ngành và lĩnh vực trong năm kế hoạch sử dụng đất 2025. Các công trình, dự án phải thực hiện thu hồi đất trên địa bàn huyện gồm 09 công trình:

**Bảng 3.76.** Danh mục công trình dự án thu hồi đất trong KHSDD năm 2025

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Căn cứ hậu cần kỹ thuật (Vùng lõi ccHC-KT huyện)	21,78	Thanh Hòa
2	Xây dựng công trình quốc phòng SB-2021 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Phước	0,24	Thiện Hưng
3	Trụ sở công an xã	0,25	Hưng Phước
4	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 759B (từ đồn biên phòng 789 đi sông măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu)	4,63	Hưng Phước; Phước Thiện
5	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ ĐT 759B đi ấp 4 Hưng Phước (khu tái định cư đập thủy lợi Bù Tam) ra đường tuần tra biên giới, huyện Bù Đốp	0,68	Hưng Phước
6	Xây dựng đường điện cho khu dân cư liền kề Đồn Biên phòng Bù Đốp tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp	0,42	Hưng Phước
7	Nâng cấp lát nhựa đường từ đường ĐT 759B đi rừng đầu nguồn Phước Thiện, Bù Đốp	3,04	Phước Thiện
8	Xây dựng đường vào các Đồn Biên phòng Đắc O - huyện Bù Gia Mập, xã Phước Thiện - huyện Bù Đốp, xã Lộc An, xã Lộc Thiện - huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới	8,33	Phước Thiện
9	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước (ADB9) (tên cũ: Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu - Thành phần tỉnh Bình Phước (ADB9))	15,00	Tân Tiến; Tân Thành; Thanh Hòa; Thanh Bình

## **VI. DỰ KIẾN CÁC KHOẢN THU, CHI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI TRONG NĂM KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

### **6.1. Căn cứ tính các khoản thu, chi**

Các căn cứ pháp lý để tính toán các khoản thu, chi do thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 gồm:

- Luật Đất đai năm 2024;
- Quyết định 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/08/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành quy định về bảng giá đất định kỳ 05 năm 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Quyết định 05/2018/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ các loại vật nuôi, cây trồng trên đất bị thu hồi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Quyết định 41/2023/QĐ-UBND quy định về hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2024;

### **6.2. Dự kiến các khoản thu, chi**

- Các khoản thu được xác định từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các loại thuế có liên quan.
- Các khoản chi được xác định từ việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án.

### **6.3. Ước tính các khoản thu, chi từ đất**

Trên cơ sở xác định diện tích chu chuyển đất đai giữa các loại đất, xác định các loại đất chuyển mục đích phải xin phép, các loại đất phải thu hồi trong từng kỳ Kế hoạch và đơn giá của từng loại đất sẽ tiến hành tính toán các khoản thu từ đất bao gồm 2 khoản chính là thu tiền khi giao, cho thuê đất và thu từ các khoản lệ phí trước bạ và thuế chuyển quyền sử dụng đất.

**Bảng 3.77. Ước tính các khoản thu chi từ đất trong kỳ Kế hoạch 2025**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

<b>Hạng mục</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Đơn giá (đồng/m<sup>2</sup>)</b>	<b>Thành tiền (triệu đồng)</b>
<b>I. Các khoản thu</b>			<b>750.002,94</b>
Thu tiền khi chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	23,18	1.356.000	314.320,80
Thu tiền khi chuyển mục đích sang đất ở đô thị	17,28	2.400.000	414.720,00
Thu tiền khi cho thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp			20.962,14

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước**

<b>Hạng mục</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Đơn giá (đồng/m<sup>2</sup>)</b>	<b>Thành tiền (triệu đồng)</b>
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	13,38	84.000	11.239,20
Các loại đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp khác	11,02	84.000	9.256,80
Các nguồn thu khác (lệ phí trước bạ, thuế chuyển quyền sử dụng đất,...)			466,14
<b>II. Các khoản chi</b>			<b>74.073,08</b>
Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng lúa	7,88	30.000	2.364,00
Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm	30,63	50.000	15.315,00
Chi bồi thường khi thu hồi đất ở đô thị	0,02	1.356.000	271,20
Chi bồi thường khi thu hồi đất ở nông thôn	1,08	2.400.000	25.920,00
Chi phí bồi thường thu hồi đất nông nghiệp			4.902,88
Chi phí hỗ trợ bồi thường thu hồi đất			25.300,00
<b>Cân đối thu - chi (I - II)</b>			<b>675.929,86</b>

## **PHẦN IV**

### **GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

Để kế hoạch sử dụng đất có tính khả thi cao, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất và hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện trong năm 2025. Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt, cần phải thực hiện các giải pháp như sau:

#### **I. GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

Quan tâm bảo vệ, cải tạo môi trường đất, nước và hạn chế tối đa các tác động tiêu cực như: gây ô nhiễm môi trường, gây lây lan dịch bệnh, sử dụng cạn kiệt tài nguyên... để phát triển bền vững.

Tổ chức nhiều lớp tập huấn nâng cao kiến thức cho người dân về các biện pháp xử lý bảo quản và sử dụng các loại hóa chất nói chung thuốc bảo vệ thực vật nói riêng, tổ chức tập huấn sản xuất nông nghiệp an toàn. Bên cạnh đó, cần tập trung tuyên truyền khuyến khích vận động nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất nông nghiệp. Các phụ phẩm nông nghiệp, rác thải nông nghiệp cần được thu gom bảo đảm vệ sinh môi trường.

Đối với các trang trại chăn nuôi tập trung, khuyến khích xây dựng quy trình trang trại an toàn sinh học. Triển khai các chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi sạch, hỗ trợ xây dựng các công trình xử lý chất thải chăn nuôi, quy hoạch chăn nuôi và đẩy mạnh quản lý nhà nước về môi trường trong chăn nuôi, đồng thời tổ chức nhiều lớp tập huấn nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong chăn nuôi, thủy sản.

Giám sát kỹ phân đánh giá môi trường và giải pháp xử lý chất thải, nước thải trong các dự án đầu tư, kiên quyết loại bỏ các dự án không đáp ứng yêu cầu về môi trường

Thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ các doanh nghiệp sản xuất có yếu tố có thể gây ô nhiễm môi trường để kịp thời xử lý và khắc phục. Giám sát chặt chẽ các điểm dịch vụ tập trung trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải có hệ thống kết cấu xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn, phải có khoảng cách an toàn môi trường đối với khu dân cư

Tăng cường phối hợp các ngành, các cơ quan chuyên môn trong việc thực thi pháp luật môi trường. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật để

mọi hộ sản xuất, kinh doanh dịch vụ và nhân dân nắm bắt, từ đó nghiêm túc thực hiện quy định.

Tăng cường phối hợp thực hiện công tác giám sát việc chấp hành các quy định về BVMT đối với các cơ sở, doanh nghiệp nằm xen kẽ trong khu dân cư; nghiêm cấm không được xả nước, chất thải chưa qua xử lý ra môi trường; kịp thời xử lý vi phạm nhằm hạn chế tối đa tình trạng ô nhiễm môi trường do các cơ sở này gây ra. Không hình thành mới các cơ sở thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao hoặc có công đoạn sản xuất gây ô nhiễm môi trường tại các khu vực đông dân cư nông thôn. Khuyến khích di dời toàn bộ các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ra xa khu vực dân cư, đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định.

Tăng cường trồng cây phân tán dọc theo các tuyến kênh, mương, đường giao thông nhằm tăng khả năng che phủ đất, góp phần cải tạo môi trường đô thị cũng như khu dân cư nông thôn tập trung.

## **II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

Thu hút các nguồn lực xã hội, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, phát triển, đóng góp, đồng hành cùng cơ quan nhà nước xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

Xây dựng kế hoạch tạo nguồn tài chính khả thi và có cơ chế hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện dự án

Thực hiện tốt cơ chế, chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án, đặc biệt là công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục người dân cam kết giải phóng mặt bằng, bàn giao đất cho Chủ đầu tư thực hiện các công trình, dự án đảm bảo theo đúng tiến độ; Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nguồn vốn đầu tư trong mọi lĩnh vực, lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược, có đầy đủ năng lực tài chính để thực hiện tốt các công trình dự án được giao, đem lại hiệu quả và phát huy được tiềm năng của đất.

Nguồn thu từ đất được sử dụng một phần thỏa đáng để nhằm cải tạo đất, điều tra, đánh giá phân loại đất đai.

Rà soát, đánh giá đúng các đối tượng sử dụng đất, đặc biệt là các đối tượng thuê đất. Tiếp tục rà soát tăng cường quản lý về đất đai đối với các tổ chức, cá nhân thuê đất để tránh thất thu.

Mọi đối tượng thuê đất đều phải nộp tiền thuê đất đầy đủ, đúng thời gian nếu không có lý do chính đáng được các cấp có thẩm quyền cho phép.

Rà soát lại việc sử dụng đất của các đơn vị, tổ chức không phải thuê đất để có kế hoạch sử dụng, tránh lãng phí về đất đai.

Kiểm soát chặt chẽ việc lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án phát triển đô thị, khu sản xuất, dịch vụ theo đúng quy định pháp luật. Đồng thời, xây dựng cơ chế kiểm soát việc xác định giá đất, đảm bảo tính công khai, minh bạch, theo cơ chế thị trường, tránh thiệt hại cho nhà nước.

### **III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

Ngay sau khi kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện Bù Đốp sẽ tiến hành công bố, công khai trên trang thông tin điện tử huyện và tại trụ sở UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường; trụ sở UBND các xã, thị trấn, đồng thời thông báo rộng rãi trên đài phát thanh huyện để người sử dụng đất biết và thực hiện theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, đào tạo và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn huyện.

Tăng cường công tác phổ biến chính sách pháp luật về đất đai cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hiểu rõ về quyền và nghĩa vụ có liên quan nhằm sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

Tăng cường hơn nữa công tác thanh tra, kiểm tra về quản lý, sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, các tổ chức sử dụng đất trên địa bàn huyện phát hiện các vi phạm pháp luật về đất đai, ngăn chặn và xử lý kịp thời, quản lý chặt chẽ và thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

Thẩm định nhu cầu sử dụng đất cho các dự án, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất năm 2025 sau khi đã được phê duyệt và đúng với các quy định pháp luật khác.

Các xã, thị trấn căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện đã được phê duyệt để triển khai thực hiện công tác quản lý đất đai trên địa bàn theo đúng các quy định của Luật Đất đai.

Các ban, phòng, ngành huyện bám sát vào kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện để tổ chức thực hiện, đôn đốc các tổ chức sử dụng đất do ngành quản lý thực hiện đúng tiến độ và đúng theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.



## **KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ**

### **I. KẾT LUẬN**

Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025 huyện Bù Đốp được xây dựng trên cơ sở Quy hoạch sử dụng đất huyện Bù Đốp đến năm 2030 *(đã được phê duyệt tại QĐ 1359/QĐ-UBND ngày 27/07/2022 của UBND tỉnh Bình Phước)*, chỉ tiêu phân bổ tại Công văn số 818/STNMT-CCQLĐĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh đến năm 2025 tạm thời và nhu cầu sử dụng đất của các các ban ngành, các xã và thị trấn trên địa bàn huyện.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện được xây dựng trên cơ sở chỉ tiêu sử dụng đất của tỉnh phân bổ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của huyện, tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn, và căn cứ vào kết quả điều tra đánh giá hiện trạng, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024. Mặt khác, các thông tin về nhu cầu sử dụng đất được điều tra, khảo sát đến từng công trình, dự án và đã được sự đóng góp ý kiến các phòng, ban huyện và UBND các xã, thị trấn qua hội thảo. Vì vậy, đã đáp ứng đúng, đủ nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và phù hợp với mục tiêu chung về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, đảm bảo khai thác hợp lý, có hiệu quả tài nguyên đất đai gắn liền với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường.

### **II. KIẾN NGHỊ**

Kế hoạch sử dụng đất có vị trí quan trọng cả về mặt pháp lý và khoa học trong công tác quản lý, sử dụng đất; là cơ sở để triển khai công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất... Vì vậy để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, tạo điều kiện thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Bù Đốp kiến nghị:

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh và các Sở, Ngành tạo mọi điều kiện thuận lợi để phương án kế hoạch được thực hiện đạt kết quả cao.

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, hỗ trợ huyện trong việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong các hoạt động sản xuất.

**PHỤ LỤC**  
**HỆ THỐNG BIỂU**

(Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất)

STT	Ký hiệu Biểu	Tên biểu
1	Biểu số 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước
2	Biểu số 04/CH	Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước
3	Biểu số 17/CH	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước
4	Biểu số 18/CH	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2025 của huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước
5	Biểu số 19/CH	Kế hoạch thu hồi đất năm 2025 của huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước
6	Biểu số 20/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 của huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước
7	Biểu số 24/CH	Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước
8	Biểu số 25/CH	Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2025 của huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước
9	Phụ lục 1	Danh mục các công trình, dự án đã thực hiện xong năm 2024
10	Phụ lục 2	Danh mục các công trình, dự án chuyển tiếp sang năm 2025
11	Phụ lục 3	Danh mục các công trình, dự án hủy bỏ không thực hiện
12	Phụ lục 4	Danh sách đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân năm 2025 trên địa bàn huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước